**ĐỀ ÁN**

**Đặt tên và điều chỉnh, bổ sung một số tuyến đường trên địa bàn**

**thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum**

*(Kèm theo Tờ trình số 61 /TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2022*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Đô thị loại IV thị trấn Plei Kần (mở rộng) *(bao gồm diện tích tự nhiên của thị trấn Plei Kần 2.510 ha và một phần của xã Đăk Xú với diện tích 386,2 ha)* đã được Bộ Xây dựng công nhận tại Quyết định số 129/QĐ-BXD ngày 02/02/2015. Qua 02 lần đặt biển tên đường, tuy nhiên tốc độ đô thị hóa tăng nhanh trong giai đoạn 2010-2021, các tuyến đường trên địa bàn đô thị được các cấp quan tâm đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng đến nay chưa được đặt tên. Điều đó gây khó khăn trong công tác quản lý hành chính, quản lý đô thị và giao dịch sinh hoạt của Nhân dân.

- Sự phát triển nhanh của đô thị dẫn đến các công tác quản lý hành chính phải đồng bộ, trong số đó có việc đặt tên đường. Việc đặt tên đường nhằm thuận tiện cho công tác quản lý văn bản pháp lý, hộ khẩu hộ tịch, quản lý trật tự an ninh xã hội, quản lý địa chỉ cho giao thông liên lạc, quản lý công tác xây dựng đô thị,...

- Qua đó, việc đặt tên các tuyến đường trên địa bàn đô thị làm cơ sở cho việc đặt tên các ngõ, ngách, gắn biển số nhà trên địa bàn đô thị, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những giải pháp hiệu quả, nhằm tăng cường chất lượng công tác quản lý đô thị, thuận lợi cho hoạt động giao dịch hàng ngày của Nhà nước và Nhân dân. Đồng thời góp phần giáo dục truyền thống lịch sử - văn hoá và cách mạng cho các thế hệ người dân huyện Ngọc Hồi nói chung và thị trấn Plei Kần mở rộng *(đô thị loại IV)* nói riêng. Tên đường không đơn thuần để thuận tiện trong công tác quản lý đô thị hoặc trong cách gọi tên và nhận biết địa chỉ giao dịch, tăng thêm sự văn minh của đô thị mà mỗi tên đường, tên phố còn tích hợp nhiều giá trị văn hoá, lịch sử truyền thống tiêu biểu của các danh nhân hay một vùng đất, một dân tộc.

- Việc xây dựng Đề án đặt tên đường, phố các thị trấn là hết sức cần thiết nhằm góp phần thực hiện tốt công tác quản lý đô thị và công tác hành chính khác, đặc biệt là Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh, Kế hoạch hành động của UBND tỉnh, Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc đặt tên bổ sung cho các tuyến đường của thị trấn Plei Kần mở rộng là yêu cầu tất yếu trong sự phát triển của một đô thị huyện lỵ; góp phần thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hoá - xã hội; đồng thời góp phần giáo dục truyền thống lịch sử - văn hoá và cách mạng cho các thế hệ người dân huyện Ngọc Hồi nói chung và thị trấn Plei Kần mở rộng nói riêng.

**II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án**

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP  ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin *(nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)* hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP  ngày 11/7/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-BXD ngày 02/02/2015 của Bộ Xây dựng về việc công nhận thị trấn Plei Kần mở rộng, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV;

Căn cứ Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tiêu chí xác định đường, phố và công trình công cộng có quy mô lớn, ý nghĩa quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định đặt, đổi tên của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tiêu chí xác định đường, phố và công trình công cộng có quy mô lớn, ý nghĩa quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định đặt, đổi tên của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Ngân hàng dữ liệu dùng để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung tên ông Võ Thúc Đồng và ông Nguyễn Mạnh Quân vào Ngân hàng dữ liệu dùng để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị phát triển khá mạnh mẽ, trong đó hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông và công trình công cộng trên địa bàn từng bước được đầu tư, hoàn thiện và phát huy hiệu quả. Theo quy hoạch phát triển đô thị, nhiều tuyến đường đã, đang và sẽ được nâng cấp, trong đó có một số tuyến đường đã xây dựng hoàn chỉnh; Cùng với đó còn tồn tại các tuyến đường dân cư chưa xây dựng đầy đủ theo quy hoạch; đường vào các khu dân cư hiện trạng nhỏ hẹp, khó định hướng.

Tất cả các tuyến đường nêu trên đều chưa được đặt tên chính thức về hành chính, là cơ sở thực tiễn để lập Đề án đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Plei Kần mở rộng.

**III. THỰC TRẠNG ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN PLEI KẦN MỞ RỘNG**

Ngày 11/12/2014, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 33/NQ-HĐND về đặt tên và điều chỉnh một số tuyến đường trên địa bàn thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum *(đợt 2)*. Thời điểm đó đến nay, trên địa bàn đô thị loại IV *(bao gồm thị trấn Plei Kần - diện tích 2.510 ha và một phần của xã Đăk Xú 386,2 ha)* đã có các tuyến đường được đầu tư xây dựng hoàn thành; một số tuyến đang triển khai thi công *(cơ bản hoàn thành)*; một số tuyến được Nhân dân xây dựng nhà ở hai bên *(các tuyến đường này chưa được bê tông hóa)*; một số tuyến đường đã được đầu tư xây dựng hoàn thành nền đường được đầu tư bê tông nhựa, một số tuyến đường đất và đường cấp phối đã có từ trước do Nhân dân tự tạo, chưa cắm mốc lộ giới nhưng hướng tuyến phù hợp với quy hoạch chi tiết, quy hoạch chung được duyệt.

- Hiện tại trên địa bàn huyện có 41 tuyến đường đã được đặt tên *(Có phụ lục kèm theo)* và 31 tuyến đường chưa được đặt tên.

**IV. PHƯƠNG ÁN ĐẶT TÊN ĐƯỜNG BỔ SUNG TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN PLEI KẦN MỞ RỘNG**

**1. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc đặt tên đường trên địa bàn thị trấn** **Plei Kần mở rộng**

**1.1. Mục đích, yêu cầu**

**a) Mục đích**

Việc đặt tên đường nhằm góp phần thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính, tạo điều kiện cho các tổ chức cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hoá - xã hội; đồng thời góp phần giáo dục truyền thống lịch sử văn hoá dân tộc, nâng cao tình yêu quê hương đất nước.

**b) Yêu cầu**

Việc đặt tên đường phải đảm bảo tính khoa học, chính xác và khách quan; phải đồng bộ trên toàn đô thị; phải phù hợp văn hóa, lịch sử; phải xem xét các yếu tố ảnh hưởng tới quy hoạch đô thị ngắn hạn và dài hạn; phải tuân thủ đúng những nguyên tắc chung theo luật định, xây dựng những nguyên tắc riêng phù hợp với nguyên tắc chung cho địa phương.

**1.2. Nguyên tắc đặt tên các tuyến đường**

- Thứ nhất, việc đặt tên đường phải thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20-3-2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ.

- Thứ hai, tất cả các tuyến đường cần đặt tên bổ sung của thị trấn Plei Kần mở rộng được xây dựng theo quy hoạch đô thị được phê duyệt, được sử dụng ổn định sẽ được xem xét đặt tên.

- Thứ ba, việc đặt tên bổ sung các tuyến đường của thị trấn Plei Kần mở rộng phải căn cứ vào vị trí, cấp độ, quy mô của đường phố để lựa chọn đặt tên cho tương xứng với ý nghĩa, tầm quan trọng của danh nhân, địa danh, di tích, danh thắng, sự kiện lịch sử, phong trào cách mạng của dân tộc. Việc đặt tên các tuyến đường phải đảm bảo các yêu cầu: Tên danh nhân được chọn phải là người tiêu biểu trong những người nổi tiếng, có đức, có tài, có nhiều đóng góp to lớn trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước; ưu tiên lựa chọn danh nhân là người sinh ra tại tỉnh Kon Tum *(nếu có)* hoặc có cuộc đời, sự nghiệp gắn bó với tỉnh Kon Tum *(nếu có)*, của huyện Ngọc Hồi *(nếu có)*, của thị trấn Plei Kần *(nếu có)*. Tên di tích lịch sử văn hoá; tên danh lam, thắng cảnh được chọn phải là những di tích, danh thắng tiêu biểu và đã được công nhận xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá; ưu tiên các di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh của tỉnh Kon Tum, của huyện Ngọc Hồi *(nếu có)*, của thị trấn Plei Kần *(nếu có)*. Tên địa danh được chọn phải là những địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hoá của đất nước hoặc địa phương hoặc địa danh đã quen dùng từ xa xưa và đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân thị trấn Plei Kần *(nếu có)*. Tên các sự kiện lịch sử, phong trào cách mạng và những chiến thắng chống xâm lược phải là những sự kiện lịch sử, phong trào cách mạng và những chiến thắng chống xâm lược tiêu biểu đã được ghi nhận trong lịch sử.

- Thứ tư, căn cứ Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 về việc ban hành Ngân hàng dữ liệu dùng để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 về việc bổ sung tên ông Võ Thúc Đồng và ông Nguyễn Mạnh Quân vào Ngân hàng dữ liệu dùng để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Kon Tum của UBND tỉnh để đặt tên các tuyến đường cần đặt của thị trấn Plei Kần mở rộng.

- Thứ năm, ngõ, ngách thuộc đường, phố nên đặt theo cách: Ngõ được gọi theo biển số của nhà đầu ngõ; ngách được gọi theo biển số nhà đầu ngách.

- Thứ sáu, chỉ đặt một tên với đường dài và thông suốt trong khu vực đô thị loại IV. Đường quá dài, đường đi qua xã, thị trấn, căn cứ vào điều kiện cụ thể, có thể phân ra từng đoạn để đặt tên. Khi đường bị cắt khúc bởi các giao lộ, hoặc vòng xoay thì đoạn kế tiếp được đặt tên khác.

**1.3. Cơ sở dữ liệu ngân hàng tên đường được sử dụng đặt tên đường bổ sung**

Tên đường được sử dụng đặt tên bổ sung được được lựa chọn trong Ngân hàng dữ liệu dùng để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Kon Tum *(ban hành kèm theo Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh)* và Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung tên ông Võ Thúc Đồng và ông Nguyễn Mạnh Quân vào Ngân hàng dữ liệu dùng để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**2. Phương án đặt tên đường bổ sung**

**- Dự kiến đề xuất điều chỉnh kéo dài 06 tuyến đường, bỏ 01 tuyến đường, điều chỉnh vị trí 01 tuyến đường và đặt mới 31 tuyến đường.**

**Bảng 1: Các tuyến đường bổ sung chiều dài *(trước đây đã có tên gọi)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên gọi hiện nay** | **Hiện trạng** | **Đoạn bổ sung** | **Ghi chú** |
| 1\* | Đường Hùng Vương | Điểm đầu là thôn 4 thị trấn Plei Kần; điểm cuối là nút giao đường Nguyễn Trãi - đường Hùng Vương. | **Đoạn 1:** Điểm đầu là là nút giao đường Nguyễn Trãi - đường Hùng Vương; điểm cuối hết ranh giới quy hoạch chung thị trấn Plei Kần tại thôn Xuân Tân, xã Đăk Xú  **Đoạn 2:** Điểm đầu là ranh giới thị trấn Plei Kần tại cầu Đăk Mốt; điểm cuối tiếp giáp điểm đầu là thôn 4 thị trấn Plei Kần | **Đoạn 1:** Đoạn bổ sung thuộc quốc lộ 40 *(từ Km0+487 đến Km3+025)* dài 2.538 m. |
| **Đoạn 2:** Đoạn bổ sung thuộc đường Hồ Chí Minh dài 3.677 m |
| Tổng chiều dài đoạn bổ sung và hiện trạng 10.255 m. |
| 2\* | Đường Trần Phú | Điểm đầu là nút giao đường N5 - đường Hồ Chí Minh; điểm cuối là nút giao đường Hùng Vương - đường Trần Hưng Đạo. | Điểm đầu là ranh giới thị trấn Plei Kần tiếp giáp với xã Đăk Nông, điểm cuối là nút giao đường Hùng Vương - đường Trần Hưng Đạo | Đoạn bổ sung thuộc đường Hồ Chí Minh dài 1.195 m. Tổng chiều dài đoạn bổ sung và hiện trạng: 4.505 m. |
| 3\* | Đường Phạm Văn Đồng | Điểm đầu giao với đường Hồ Chí Minh, điểm cuối Hội trường chung | Điểm đầu giao với đường Quy hoạch, điểm cuối giao với đường Hồ Chí Minh | Đoạn bổ sung dài 215m. Tổng chiều dài tuyến đường 615m. |
| 4\* | Đường Nguyễn Huệ | Điểm đầu là nút giao với đường Trần Hưng Đạo; điểm cuối là ranh giới thị trấn Plei Kần với xã Đăk Xú. | Điểm đầu là ranh giới thị trấn Plei Kần tiếp giáp với xã Đăk Xú; Điểm cuối giao với quốc lộ 40 | Đoạn bổ sung dài 1.092 m. Tổng chiều dài đoạn bổ sung và hiện trạng: 1.992 m. |
| 5\* | Đường Phan Bội Châu | Điểm đầu là nút giao đường với đường Trần Hưng Đạo; điểm cuối đường quy hoạch. | Điểm đầu đường quy hoạch; điểm cuối Đường quyy hoạch *(đường Nguyễn Huệ dự kiến)* | Đoạn bổ sung dài 939m. Tổng chiều dài đoạn bổ sung và hiện trạng: 1.550m |
| 6\* | Đường Trương Quang Trọng | Điểm đầu là nút giao đường với đường Trần Hưng Đạo; điểm cuối đường Lý Thái Tổ | Điểm đầu Lý Thái Tổ; điểm cuối Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Giáo dục thường xuyên huyện | Đoạn bổ sung dài 713m.  Tổng chiều dài đoạn bổ sung và hiện trạng: 861 m. |

**Bảng 2: Đề nghị bỏ 01 tuyến đường và điều chỉnh vị trí 01 tuyến đường không phù hợp vì hiện trạng không có đường *(trước đây đã có tên gọi)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên gọi hiện nay** | **Hiện trạng** | **Điều chỉnh** | **Ghi chú** |
| 1\*\* | Đường Ngô Quyền | Điểm đầu giáp đường Lê Lợi; điểm cuối giáp đường A Gió. Chiều dài L= 132m. | Điều chỉnh đường Ngô Quyền thành đường A Gió. Điểm đầu giáp đường Lý Thái Tổ, điểm cuối giáp với đường Lê Lợi | Chiều dài đường A Gió toàn tuyến L=455m |
| 2\*\* | Đường Nguyễn Trãi | Điểm đầu giao với Hùng Vương, điểm cuối giao đường Trương Quang Trọng | Điểm đầu giao với đường Phan Bội Châu; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(lộ giới 15 m)* | Chiều dài toàn tuyến 430 m. |

**Bảng 3: Các tuyến đường dự kiến đặt tên**

| **STT** | **Tên gọi hiện nay *(tên gọi theo dự án)*** | **Hiện trạng** | **Tên gọi dự kiến** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đường N5, NT18 | Điểm đầu là ranh giới thị trấn Plei Kần tiếp giáp huyện Đăk Tô; điểm cuối ranh giới thị trấn Plei Kần tiếp giáp xã Đăk Xú *(đã xây dựng hoàn thành các đoạn có lộ giới 36m và 74m; đoàn dài 917m có kết cấu đá cấp phối)* | Đường Phan Đình Phùng | Chiều dài toàn tuyến 3.764 m. |
| 2 | Đường bao phía Tây thị trấn Plei Kần | Điểm đầu giao với đường N5; điểm cuối giao với đường Trần Phú *(đã xây dựng hoàn thành, lộ giới 23 m)* | Đường Lê Hồng Phong | Chiều dài toàn tuyến 2.676 m. |
| 3 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với Đường Quy hoạch; điểm cuối giao với đường Nguyễn Văn Linh *(đã xây dựng hoàn thành 916m, đoạn còn lại đang thi công, lộ giới 23,25m)* | Đường Trường Chinh | Chiều dài toàn tuyến 1.047 m. |
| 4 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường Trần Phú; điểm cuối giao với khu dân cư *(đã xây dựng hoàn thành, lộ giới 20,5m)* | Đường Lạc Long Quân | Chiều dài toàn tuyến 460 m. |
| 5 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường Nguyễn Văn Linh *(đã xây dựng hoàn thành, lộ giới 17,5 m và 11,5 m)* | Đường Trần Nhân Tông | Chiều dài toàn tuyến 390 m. |
| 6 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường Nguyễn Văn Linh *(đang triển khai thi công xây dựng, lộ giới 11,5 m)* | Đường Âu Cơ | Chiều dài toàn tuyến 450 m. |
| 7 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đang triển khai thi công xây dựng, lộ giới 11,5 m)* | Đường Tạ Quang Bửu | Chiều dài toàn tuyến 130 m. |
| 8 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường Nguyễn Văn Linh *(đang triển khai thi công xây dựng, lộ giới 11,5 m)* | Đường Trần Nhật Duật | Chiều dài toàn tuyến 323 m. |
| 9 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với khu dân cư *(đã xây dựng cơ bản hoàn thành, lộ giới 11,5m)* | Đường Ngô Tiến Dũng | Chiều dài toàn tuyến 150 m. |
| 10 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối giao với đường Lê Hữu Trác *(đường đất hiện trạng, lộ giới 11,5 m)* | Đường Trần Kiên | Chiều dài toàn tuyến 122 m. |
| 11 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đường bê tông, đất hiện trạng, lộ giới 11,5 m)* | Đường Trần Văn Hai | Chiều dài toàn tuyến 375 m. |
| 12 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đường đất hiện trạng, lộ giới 11,5 m)* | Đường Nguyễn Mạnh Quân | Chiều dài toàn tuyến 490 m. |
| 13 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đường đất hiện trạng, lộ giới 11,5 m)* | Đường Nguyễn Văn Hoàng | Chiều dài toàn tuyến 295 m. |
| 14 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đường đất hiện trạng, lộ giới 11,5 m)* | Đường Trương Định | Chiều dài toàn tuyến 245 m. |
| 15 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đường đất hiện trạng, lộ giới 11,5 m)* | Đường Trần Quang Khải | Chiều dài toàn tuyến 216 m. |
| 16 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đường đất hiện trạng, lộ giới 11,5 m)* | Đường Yết Kiêu | Chiều dài toàn tuyến 200 m. |
| 17 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đường đất hiện trạng, lộ giới 11,5 m)* | Đường Phan Huy Chú | Chiều dài toàn tuyến 100 m. |
| 18 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đường đất hiện trạng, lộ giới 11,5 m)* | Đường Trần Huy Liệu | Chiều dài toàn tuyến 106 m. |
| 19 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đường đất hiện trạng, lộ giới 11,5 m)* | Đường Hà Huy Tập | Chiều dài toàn tuyến 118 m. |
| 20 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đang triển khai thi công xây dựng, lộ giới 20 m, L=214m; lộ giới 17,5 L=56m)* | Đường Võ Thị Sáu | Chiều dài toàn tuyến 270 m. |
| 21 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường Nguyễn Văn Linh; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đang triển khai thi công xây dựng, lộ giới 23,25m)* | Đường Nguyễn Chí Thanh | Chiều dài toàn tuyến 400 m. |
| 22 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đang triển khai thi công xây dựng, lộ giới 20m)* | Đường Nguyễn Thái Học | Chiều dài toàn tuyến 381 m. |
| 23 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đang triển khai thi công xây dựng, lộ giới 15m)* | Đường Trần Cao Vân | Chiều dài toàn tuyến 219 m. |
| 24 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đang triển khai thi công xây dựng, lộ giới 17,5m)* | Đường Trần Khánh Dư | Chiều dài toàn tuyến 235 m. |
| 25 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đang triển khai thi công xây dựng, lộ giới 15m)* | Đường Nguyễn Đức Cảnh | Chiều dài toàn tuyến 106 m. |
| 26 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đang triển khai thi công xây dựng, lộ giới 15m)* | Đường Huỳnh Thúc Kháng | Chiều dài toàn tuyến 122 m. |
| 27 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường quy hoạch; điểm cuối giao với đường quy hoạch *(đang triển khai thi công xây dựng, lộ giới 17,5m)* | Đường Ngô Đức Đệ | Chiều dài toàn tuyến 285 m. |
| 28 | Đường Quy hoạch | Điểm đầu giao với đường Trần Hưng Đạo; điểm cuối giao với đường Quốc Lộ 40 *(đang triển khai thi công xây dựng, lộ giới 28 m)* | Đường Lê Duẩn | Chiều dài toàn tuyến 1.783 m. |
| 29 | Đường Quy hoạch | Điểm đầu giao với đường Quy hoạch; điểm cuối giao với đường Quy hoạch (Nguyễn Huệ) *(đường bê tông, lộ giới 20,5 m)* | Đường Lê Quý Đôn | Chiều dài toàn tuyến 303 m. |
| 30 | Đường Quy hoạch | Điểm đầu giao với đường Hùng Vương; điểm cuối giao với đường Phạm Văn Đồng *(đang triển khai thi công xây dựng, lộ giới 25m)* | Đường Võ Nguyên Giáp | Chiều dài toàn tuyến 2.367 m. |
| 31 | Đường quy hoạch | Điểm đầu giao với đường Hùng Vương; điểm cuối giao Trường mầm Non Chơ Rao *(đường bê tông, lộ giới 5 m)* | Đường Y Pah (Y Một) | Chiều dài toàn tuyến 295 m. |

*(Có Sơ đồ các tuyến đường dự kiến đặt tên và điều chỉnh kèm theo).*

**3. Thuyết minh ý nghĩa tên đường**

**Thuyết minh ý nghĩa 31 tên đường đề xuất đặt tên trên địa bàn thị trấn Plei Kần mở rộng trong ngân hàng tên đường của tỉnh Kon Tum**

| **TT** | **Tên danh nhân, địa danh** | **Tóm tắt lý lịch theo Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 và Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh Kon Tum** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Phan Đình Phùng | Phan Đình Phùng sinh năm 1847, hiệu là Châu Phong, người làng Đông Thái, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Ông đỗ Tiến sĩ năm 1877, làm quan đến chức Ngự sử. Năm 1883, do không tán thành việc Tôn Thất Thuyết phế vua Dục Đức, ông bị đuổi về quê.  Năm 1885, hưởng ứng hịch Cần Vương, ông đứng ra mộ quân chống Pháp. Trong 10 năm kháng chiến gian khổ, nghĩa quân dưới quyền chỉ huy của ông đã hoạt động rất mạnh từ Hà Tĩnh đến Quảng Bình, gây cho thực dân Pháp nhiều tổn thất nặng nề. Ông mất năm 1895, phong trào Cần Vương chống Pháp ở Nghệ - Tĩnh cũng suy yếu và tan rã từ đó. |
| 2 | Lê Hồng Phong | Sau khi học xong sơ học, Lê Hồng Phong rời làng ra thành phố Vinh - Bến Thuỷ làm thuê kiếm sống.  Đầu năm 1924, cùng với Phạm Hồng Thái và 15 người khác, Lê Hồng Phong được Vương Thúc Oánh bí mật tổ chức xuất dương sang Xiêm (Thái Lan). Sau khi đến Xiêm một thời gian, Lê Hồng Phong cùng một số bạn bè tìm đường sang Quảng Châu, (Trung Quốc) tham gia nhóm Tâm Tâm xã, tích cực vận động cách mạng. Tại đây, Lê Hồng Phong được gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và được Người kết nạp vào tổ chức Cộng sản đoàn vào đầu năm 1925.  Tháng 6-1925, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập. Lê Hồng Phong trở thành một trong những hội viên đầu tiên của Hội.  Tháng 8-1924, Lê Hồng Phong vào học Trường Quân sự Hoàng Phố, sau đó chuyển sang học Trường Hàng không Quảng Châu. Tại đây, tháng 2-1926, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Trung Quốc.  Tháng 10-1926, với sự nỗ lực của bản thân và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giới thiệu, Lê Hồng Phong được Chính phủ Quảng Châu cử sang Liên Xô học tập. Sau một năm học tập, Lê Hồng Phong đã tốt nghiệp Trường Lý luận quân sự không quân ở Lêningrát rồi học tiếp Trường Đào tạo phi công quân sự tại Bôrítxgơlépxcơ. Học chưa xong khoá, đồng chí được cử về học ở Trường đại học Phương Đông. Tại đây, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Liên Xô và tham gia trong Uỷ ban tổ chức nhóm học viên Đông Dương.  Tháng 5-1931, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Phương Đông, Lê Hồng Phong được cử về nước hoạt động. Đồng chí đã tích cực chắp nối liên lạc, khôi phục lại các cơ sở đảng trong và ngoài nước, triển khai Chương trình hành động của Đảng để định hướng phát triển cho phong trào cách mạng.  Tháng 3-1934, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng được thành lập, có chức năng như một Ban Trung ương lâm thời của Đảng gồm ba người do Lê Hồng Phong làm Thư ký.  Tháng 3-1935, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng gồm 13 uỷ viên. Đồng chí Lê Hồng Phong được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.  Tháng 7-1935, Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản được triệu tập, họp tại Mátxcơva, đã bầu Lê Hồng Phong làm Uỷ viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.  Ngày 26-7-1936, Lê Hồng Phong triệu tập một cuộc hội nghị Trung ương tại Thượng Hải (Trung Quốc), bàn thảo nhiều vấn đề quan trọng về công tác tổ chức và đường lối đấu tranh của Đảng trong tình hình mới.  Trong hai ngày 29 và 30-3-1938, tại Hóc Môn, Gia Định, Hội nghị Trung ương Đảng họp, đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm 11 người. Lê Hồng Phong được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và là Uỷ viên Thường vụ Trung ương.  Tháng 6-1939, Lê Hồng Phong bị mật thám Pháp bắt tại Sài Gòn, kết án sáu tháng tù giam và ba năm quản thúc. Hết hạn tù, chúng trục xuất đồng chí về quê nhà ở Nghệ An để quản thúc và giám sát.  Năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Đầu năm 1940, thực dân Pháp bắt giam Lê Hồng Phong tại quê, rồi giam vào Khám Lớn Sài Gòn. Cuối năm 1940, chúng đày đồng chí ra Côn Đảo. Bị kẻ thù hành hạ đến kiệt sức, ngày 6-9-1942, đồng chí đã vĩnh viễn ra đi.  Đồng chí Lê Hồng Phong là một người cộng sản kiên cường, bất khuất, một chiến sĩ quốc tế mẫu mực. Trên cương vị đứng đầu Ban Chỉ huy ở ngoài rồi Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí đã góp phần quan trọng khôi phục hệ thống tổ chức đảng và phong trào quần chúng, chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng, đưa cách mạng Việt Nam vượt qua bước thoái trào, chuyển sang một thời kỳ phát triển mới. |
| 3 | Trường Chinh | Năm 1925, đồng chí tham gia cuộc vận động đòi đế quốc Pháp ân xá cho nhà yêu nước Phan Bội Châu và năm 1926, đồng chí tham gia lãnh đạo cuộc bãi khóa để truy điệu nhà yêu nước Phan Châu Trinh ở Nam Định.  Năm 1927, đồng chí gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.  Năm 1929, đồng chí tham gia cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương ở Bắc Kỳ.  Năm 1930, đồng chí được chỉ định vào Ban Tuyên truyền cổ động Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm đó, đồng chí bị đế quốc bắt và kết án 12 năm tù cấm cố, đày đi Sơn La.  Cuối năm 1936, do thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp và do phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam đòi quyền tự do dân chủ và thả chính trị phạm, đồng chí được trả lại tự do.  Từ cuối năm 1936 đến năm 1939, đồng chí là Uỷ viên Xứ uỷ Bắc Kỳ và đại biểu của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Uỷ ban Mặt trận dân chủ Bắc Kỳ.  Năm 1940, đồng chí là chủ bút báo Giải phóng, cơ quan của Xứ ủy Bắc Kỳ. Tại Hội nghị lần thứ bảy của Trung ương Đảng, đồng chí được cử vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.  Năm 1941, tại Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng, đồng chí được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, kiêm Trưởng ban Tuyên huấn kiêm chủ bút báo Cờ giải phóng và Tạp chí Cộng sản, cơ quan Trung ương của Đảng, Trưởng ban Công vận Trung ương.  Tháng 8-1945, đồng chí được Hội nghị toàn quốc của Đảng cử phụ trách Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc.  Năm 1951, tại Đại hội II của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương, là Tổng Bí thư của Đảng đến tháng 10-1956.  Năm 1958, đồng chí làm Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Chủ nhiệm Uỷ ban Khoa học Nhà nước.  Năm 1960, tại Đại hội III của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương và Uỷ viên Bộ Chính trị, phụ trách công tác Quốc hội và công tác tư tưởng của Đảng.  Năm 1976, tại Đại hội IV của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương. Đồng chí là Uỷ viên Bộ Chính trị, là Trưởng ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương và Trưởng ban Lý luận của Trung ương.  Năm 1976, đồng chí được bầu làm Chủ tịch Uỷ ban dự thảo Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa ViệtNam.  Đồng chí là đại biểu Quốc hội từ khoá II đến khoá VII. Từ khoá II đến khoá VI, đồng chí là Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.  Năm 1981, đồng chí được Quốc hội bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa ViệtNam.  Tháng 3-1982, tại Đại hội V của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương và là Uỷ viên Bộ Chính trị.  Tháng 7-1986, tại Hội nghị đặc biệt của Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.  Tháng 12-1986, tại Đại hội VI của Đảng, đồng chí được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế kiêm Trưởng Tiểu ban soạn thảo Cương lĩnh của Đảng.  Đồng chí từ trần ngày 30-9-1988 tại Hà Nội.  Đồng chí Trường Chinh là một chiến sĩ cộng sản kiên cường, khiêm tốn, mẫu mực, một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và cách mạng ViệtNam. Trên cương vị đứng đầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng ở những thời điểm bước ngoặt của cách mạng, đồng chí Trường Chinh đã có nhiều đóng góp to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. |
| 4 | Lạc Long Quân | **Lạc Long Quân** (khoảng thế kỷ 8-7 TCN), tên húy là **Sùng Lãm**, là nhân vật truyền thuyết Việt Nam.  Theo Đại Việt Sử Ký thì ông là con trai của [Kinh Dương Vương](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_D%C6%B0%C6%A1ng_V%C6%B0%C6%A1ng) [Lộc Tục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_D%C6%B0%C6%A1ng_V%C6%B0%C6%A1ng) và con gái [Động Đình Quân](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BB%99ng_%C4%90%C3%ACnh_Qu%C3%A2n&action=edit&redlink=1) tên là Thần Long. Lạc Long Quân được xem là vị vua của nhà nước sơ khai Xích Quỷ trước Văn Lang.  Lạc Long Quân và Âu Cơ được xem là thủy tổ sinh ra dân tộc Việt Nam theo truyền thuyết "bọc trăm trứng". Lạc Long Quân có thể là danh hiệu truyền lại trong dã sử của một tù trưởng đã có công trong việc đi đến thống nhất các bộ tộc người [Lạc Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BA%A1c_Vi%E1%BB%87t). Con trai ông là tù trưởng bộ lạc Văn Lang đã thống nhất thành công 15 bộ lạc, thành lập nhà nước [Văn Lang](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_Lang), xưng hiệu [Hùng Vương đời thứ nhất](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%B9ng_V%C6%B0%C6%A1ng_th%E1%BB%A9_I) |
| 5 | Trần Nhân Tông | Ông là vị Hoàng đế thứ 3 của triều đại nhà Trần trong lịch sử Việt Nam, ông trị vì 15 năm và làm Thái Thượng Hoàng 15 năm. Ông được sử sách ca ngợi là một trong những vị Vua anh minh nhất trong lịch sử Việt Nam. Ông đóng vai trò quan trọng trong việc chống quân xâm lược Nguyên Mông lần thứ 2 và 3. Sau 15 năm trị vì đất nước ông đã nhường ngôi lại cho con là Trần Thuyên rồi đi tu và người đã thành lập thiền phái Trúc Lâm Yên Tử lấy pháp hiệu là Đầu đà Hoàng giác Điếu Ngự. Ông mất năm 1308 tại Am Ngọc Vân, núi Yên Tử, Đông Triều, Quảng Ninh. |
| 6 | Tạ Quang Bửu | Giáo sư, nhà khoa học Việt Nam, người đặt nền móng cho lĩnh vực khoa học kỹ thuật và Công nghệ Quân sự Việt Nam; Nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.  Ông từng học trường Quốc học Huế, sau đó ra Hà Nội học trường Bưởi.  Năm 1929, ông đi du học và học tại Đại học Pari, và Đại học Oxford (Anh).  Năm 1934, ông về nước. Từ năm 1935 đến năm 1942, ông dạy học ở Trường Providence, Huế.  Từ 11/1945 đến ngày Toàn quốc kháng chiến, ông vừa tham gia các công việc của Chính phủ, vừa giảng dạy Vật lý tại Trường Đại học Hà Nội. Từ 3/1946, ông được Quốc hội cử giữ chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.  Tháng 6/1946, ông tham gia đoàn đàm phán ở Fontainebleau;  Tháng 7/1947, ông được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Việt Nam. Từ 8/1947 đến 8/1948, ông là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, ủy viên Hội đồng Quốc phòng tối cao.  Từ 9/1948 đến 1961, ông là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng và kiêm nhiệm nhiều cương vị khác.  Năm 1954, ông tham gia đoàn đàm phán của chính phủ ở Genève.  Từ 1956 đến 1961, ông làm Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.  Từ 1957 đến 1959, ông nhận thêm nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng tổ chức Khoa học Việt Nam.  Từ 1959 đến 1976, ông được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp.  Ông còn là đại biểu Quốc hội liên tục từ khoá I đến khoá VI, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt – Xô.  Với công lao cống hiến của mình, ông được Đảng, Quốc hội, Nhà nước ta tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý.  Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về lĩnh vực khoa học - công nghệ.  Do tuổi cao sức yếu, Giáo sư Tạ Quang Bửu qua đời ngày 21 tháng 8 năm 1986 tại Bệnh viện Hữu nghị Việt – Xô, thọ 76 tuổi. |
| 7 | Âu Cơ | Theo truyền thuyết Việt Nam, **Âu Cơ** là tổ mẫu của [người Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_Vi%E1%BB%87t). Tương truyền, Âu Cơ là con gái của vua [Đế Lai](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%BF_Ai). Trong khi đi tuần thú phương Nam, ông đã để Âu Cơ lại trên một cái động. Khi [Lạc Long Quân](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BA%A1c_Long_Qu%C3%A2n) đi đến đây, thấy nàng xinh đẹp nên đã đem lòng yêu mến và kết duyên vợ chồng. Hai vợ chồng Lạc Long Quân và Âu Cơ đã sống với nhau và sinh ra cái bọc trăm trứng, nở ra 100 người con. Sau đó vì thủy thổ tương khắc nên hai người phải [chia](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ly_h%C3%B4n) con ra 50 con theo cha về biển, 50 con theo mẹ về núi và chia nhau cai quản các vùng. Đây là tổ tiên của người Bách Việt |
| 8 | Trần Nhật Duật | Ông là Hoàng tử và cũng là Danh tướng đời Trần, có công trong hai cuộc kháng chiến lần 2 và 3 chống quân xâm lược Nguyên - Mông. |
| 9 | Ngô Tiến Dũng | - Anh hùng Ngô Tiến Dũng được sinh ra trong một gia đình cách mạng và trên vùng đất giàu truyền thống cách mạng của tỉnh Quảng Ngãi; chiến tranh đã cướp đi cuộc sống 4 người thân của gia đình Ngô Tiến Dũng, trong đó có một người em là Ngô Tấn Công đã hy sinh vì sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước càng thôi thúc Ngô Tiến Dũng sớm giác ngộ cách mạng để trả thù cho gia đình.  - Tháng 6-1966 Ngô Tiến Dũng nhập ngũ vào lực lượng trinh sát vũ trang công tác ở Ban An ninh tỉnh Kon Tum. Anh cùng đồng đội bám trụ địa bàn, xây dựng chỗ đứng vứng chắc, nắm chắc tình hình địch, xây dựng cơ sở diệt ác, phá kìm, hỗ trợ quần chúng nổi dậy đấu tranh giành chính quyền.  - Ngô Tiến Dũng đã tham gia chiến đấu 43 trận, diệt 7 tên ác ôn, bắt 4 tên tề điệp gian ác đi tập trung cải tạo. Bằng lòng gian dạ, dũng cảm, mưu trí Ngô Tiến Dũng đã diệt được 6 tên ác ôn giữa ban ngày, khiến quân địch nhiều phen hú vía. Đồng chí còn làm tốt công tác tuyên truyền binh vận, làm tan rã hàng ngũ địch, vận động một tiểu đội ngụy quân làm việc cho cách mạng. Những chiến công của Ngô Tiến Dũng đã tô thắm thêm tinh thần chiến đấu ngoan cường của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Kon Tum. Đạo đức cách mạng và thành tích công tác của Ngô Tiến Dũng được đồng đội quý mến, tin yêu; năm 1972 Ngô Tiến Dũng được đề bạt làm Đội trưởng; đồng chí đã cùng anh em trong đơn vị tích cực xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, bảo đảm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ cấp trên giao.  - Tháng 11-1972 trong một trận chiến đấu chống địch càn quét, bảo vệ nhân dân tại ấp Kon H'Ring (Bắc thị xã Kon Tum) đồng chí đã anh dũng hy sinh; đồng chí được tặng thưởng Huân chương Chiến công và nhiều bằng khen.  - Ngày 6-6-1976, Ngô Tiến Dũng được Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân và Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. |
| 10 | Trần Kiên | **Trần Kiên** ([1920](https://vi.wikipedia.org/wiki/1920)-[2003](https://vi.wikipedia.org/wiki/2003)) là một đảng viên [Đảng Cộng sản Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam) và chính khách Việt Nam. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ: Phó Bí thư Khu ủy Quân khu 5; Bí thư tỉnh ủy các tỉnh Kon Tum, Đắc Lắc, Nghĩa Bình, Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương của [Đảng Cộng sản Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam).  Ông có tên khai sinh: Nguyễn Tài, bí danh: Quốc, Sơn; sinh ngày 15-5-1920 tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; tham gia cách mạng năm 1936; vào Đảng ngày 15-7-1945;  Ông là ủy viên Trung ương Đảng các khóa IV, V, VI, Bí thư Trung ương Đảng các khóa V, VI.  Sau khi đất nước thống nhất, ông làm Bí thư tỉnh ủy một loạt tỉnh Quảng Ngãi, Nghĩa Bình, Gia Lai, Kontum, Đắc Lắc và mấy năm làm bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) (1979 - 1981)[[1]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_Ki%C3%AAn#cite_note-1); đại biểu Quốc hội khóa VI.  Tại Đại hội VI lịch sử, ông được bầu vào Ban bí thư Trung ương Đảng và giữ chức vụ Chủ nhiệm [Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BB%A6y_ban_Ki%E1%BB%83m_tra_Trung_%C6%B0%C6%A1ng_%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam).  Ông đã được Nhà nước tặng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công hạng nhất và nhiều huân, huy chương cao quý khác; Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. Năm 2007, ông được Nhà nước [Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) tặng [Huân chương Sao Vàng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%C3%A2n_ch%C6%B0%C6%A1ng_Sao_v%C3%A0ng_(Vi%E1%BB%87t_Nam)). |
| 11 | Trần Văn Hai | - Anh hùng Trần Văn Hai được sinh ra trên mảnh đất có bề dày truyền thống đấu tranh cách mạng (xã Hòa Hải, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng); từ truyền thống gia đình, quê hương; lớn lên nhìn cảnh Mỹ - Ngụy giày xéo quê hương, đất nước; với tình yêu quê hương và lòng căm thù giặc sâu sắc; Trần Văn Hai đã sớm chọn cho mình một con đường lý tưởng; con đường nối gót cha anh làm cách mạng, đánh đuổi đế quốc xâm lược, giải phóng quê hương.  - Năm 1965 (14 tuổi) Trần Văn Hai đã tham gia hoạt động cách mạng, công tác trong Ban binh vận Khu 5; trong thời gian này, Trần Văn Hai lập được nhiều chiến công được tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và huyện Hòa Vang tặng nhiều bằng khen, giấy khen và danh hiệu dũng sĩ diệt Mỹ. Năm 1966, do sự đàn áp, khủng bố của Mỹ - Ngụy, hàng loạt cơ sở cách mạng ở Đà Nẵng bị lộ; nhằm bảo vệ cán bộ, hạn chế những tổn thất lớn và tăng cường cán bộ cho Tây Nguyên. Trần Văn Hai cùng nhiều đồng chí khác được phân công về Thị đội Kon Tum, hoạt động tại các xã trong căn cứ thuộc H5.  - Ngày 24-11-1967, Ban cán sự H5 cử Trần Văn Hai vào sống trong nội thị Kon Tum sống, có nhiệm vụ nắm tình hình địch, theo dõi quy luật đi lại, ăn ở của một số tên cầm đầu ác ôn và một số cơ quan quan trọng của địch như tên đại tá Nguyễn Hợp Đoàn, Trưởng ty cảnh sát, khu cố vấn Mỹ. Sau một thời gian nghiên cứu, nắm tình hình và chuẩn bị mục tiêu, ngày 19-01-1968 Trần Văn Hai đến gặp đồng chí Nguyễn Thế Vũ trình bày kế hoạch, xin lựu đạn để diệt địch; mục tiêu để đánh và tiêu diệt tên Nguyễn Hợp Đoàn, đại tá Tỉnh trưởng Kon Tum; sau khi cân nhắc, xem xét, Ban cán sự H5 đã đồng ý cho Trần Văn Hai tiêu diệt địch. Lúc 11 giờ ngày 22-01-1968, Trần Văn Hai giả dạng là người bán kem gần cổng tòa tỉnh trưởng, chờ khi Đoàn ra ném lựu đạn vào xe. Không may Hai bị lộ, bị địch bắt và tra tấn dã man, tàn bạo nhưng bọn chúng không khai thác được tin gì. Lợi dụng sơ hở của 2 tên lính gác Trần Văn Hai lấy lại được quả lựu đạn M26, Hai rút chốt kẹp vào nách, đợi chúng vào Hai nói "Đúng tao là người của Cộng sản, bọn bay cần gì tao sẽ khai". Hai yêu cầu đóng cửa phòng và nói nhỏ buộc hai tên an ninh phải đến gần nghe để nghi chép. Chỉ chờ thời cơ có vậy, Hai xáp vào và níu chặt 2 tên sỹ quan an ninh, hở nách cho lựu đạn rơi xuống và nổ. Tên thiếu úy Đinh Văn Chức chết tại chỗ, tên Trung úy Nguyễn Đình Thi bị thương nặng; Trần Văn Hai đã anh dũng hy sinh.  - Trần Văn Hai ngã xuống khi vừa tròn 17 tuổi, sự hy sinh của anh đã nêu tấm gương sáng cho cán bộ, đảng viên cơ sở, quần chúng cảm tình cách mạng ở H5 khâm phục, noi theo và học tập.  - Ghi nhận hành động anh hùng và công lao của Trần Văn Hai trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, ngày 23-7-1997 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Trần Văn Hai. |
| 12 | Nguyễn Mạnh Quân | Ông tên thật là Nguyễn Thế Minh, sinh năm 1923, nguyên quán xã Ninh Khang, huyện [Hoa Lư](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hoa_L%C6%B0), tỉnh [Ninh Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ninh_B%C3%ACnh); là một sĩ quan chỉ huy cao cấp của [Quân đội Nhân dân Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam). Ông là một trong những chỉ huy chiến trường quan trọng trong suốt thời kỳ [Chiến tranh Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_tranh_Vi%E1%BB%87t_Nam) (1945-1975), là một trong chỉ huy trực tiếp của [Mặt trận Tây Nguyên](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=M%E1%BA%B7t_tr%E1%BA%ADn_T%C3%A2y_Nguy%C3%AAn&action=edit&redlink=1) trong [Chiến dịch Bắc Tây Nguyên 1972](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_B%E1%BA%AFc_T%C3%A2y_Nguy%C3%AAn_1972).  Năm 1945, ông tham gia giành chính quyền tại tỉnh Ninh Bình. Sau khi [Cách mạng tháng 8](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1ch_m%E1%BA%A1ng_th%C3%A1ng_T%C3%A1m) thành công, ông được kết nạp vào [Đảng Cộng sản Đông Dương](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam) và được cử làm Trung đội trưởng Trung đội [Giải phóng quân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BA%A3i_ph%C3%B3ng_qu%C3%A2n) tại địa phương.  Năm 1946 là tiểu đoàn trưởng trong đoàn quân Tây Tiến. Đầu năm 1948, nhằm thuận tiện trong việc chỉ huy và tổ chức quân đội, các [Liên khu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Li%C3%AAn_khu) được thành lập. Ông được phân công về làm chỉ huy quân sự tại Trung đoàn 46, trung đoàn chủ lực của [Liên khu 3](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Li%C3%AAn_khu_3&action=edit&redlink=1). Bấy giờ, ông [Hoàng Minh Thảo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_Minh_Th%E1%BA%A3o) đang giữ chức Phó Tư lệnh Liên khu này.  Trong suốt thời gian kháng chiến chống Pháp, ông cùng trung đoàn chiến đấu cơ động tại các tỉnh trên địa bàn Liên khu 3 như [Ninh Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ninh_B%C3%ACnh), [Nam Định](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_%C4%90%E1%BB%8Bnh), [Hà Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_Nam),[Hà Đông](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_%C4%90%C3%B4ng), [Sơn Tây](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1n_T%C3%A2y) [Hòa Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%B2a_B%C3%ACnh)... Năm 1951,là Trung đoàn trưởng trung đoàn 46, ông cùng trung đoàn tham gia trong [Chiến dịch Hòa Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_H%C3%B2a_B%C3%ACnh). Năm 1953 chỉ huy trung đoàn đánh nhiều trận tại Liên khu 3 nhằm phối hợp với chiến trường trên cả nước, phá tan kế hoạch tập trung binh lực của Pháp [Kế hoạch Navarre](https://vi.wikipedia.org/wiki/K%E1%BA%BF_ho%E1%BA%A1ch_Navarre).  Sau khi chính phủ [Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_D%C3%A2n_ch%E1%BB%A7_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a) kiểm soát hoàn toàn miền Bắc,ông là Chủ tịch ủy ban quân quản thành phố Nam Định, tháng 10 năm 1954,là Tham mưu trưởng Liên khu 3[[1]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_M%E1%BA%A1nh_Qu%C3%A2n#cite_note-tdqs-1) và giữ chức vụ này cho đến khi Liên khu 3 giải thể để thành lập [Quân khu Hữu Ngạn](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Qu%C3%A2n_khu_H%E1%BB%AFu_Ng%E1%BA%A1n&action=edit&redlink=1). Năm 1958, ông được phong quân hàm [Trung tá](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_t%C3%A1).  Năm 1959, ông được cử sang [Liên Xô](https://vi.wikipedia.org/wiki/Li%C3%AAn_X%C3%B4) theo học tại [Học viện Quân sự Frunze](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=H%E1%BB%8Dc_vi%E1%BB%87n_Qu%C3%A2n_s%E1%BB%B1_Frunze&action=edit&redlink=1). Cuối năm 1962, ông về nước, công tác tại [Học viện Quân chính](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%8Dc_vi%E1%BB%87n_Qu%C3%A2n_ch%C3%ADnh). Tháng 10 năm 1963, ông làm Phó chủ nhiệm Hệ giáo dục quân sự [Học viện Quân chính](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%8Dc_vi%E1%BB%87n_Qu%C3%A2n_ch%C3%ADnh). Tháng 3 năm 1964, ông được điều sang làm Hiệu phó [Trường Sĩ quan Lục quân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_%C4%90%E1%BA%A1i_h%E1%BB%8Dc_Tr%E1%BA%A7n_Qu%E1%BB%91c_Tu%E1%BA%A5n). Năm 1966 ông được thăng quân hàm thượng tá. Tháng 5 năm 1969, ông được bổ nhiệm làm Cục trưởng Cục Quân huấn [Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_T%E1%BB%95ng_Tham_m%C6%B0u_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam). Trong thời gian này ông đã có các chuyến thị sát thực tế chiến trường tại miền Đông Nam bộ (B2) và Lào để bổ sung cho công tác huấn luyện bộ đội chiến đấu.  Tháng 4 năm 1970, ông được cử vào chiến trường [Tây Nguyên](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2y_Nguy%C3%AAn), được cử giữ chức Phó tư lệnh Mặt trận. Ông đã tham gia xây dựng các kế hoạch, cũng như trực tiếp chỉ huy các hoạt động quân sự của [Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_Gi%E1%BA%A3i_ph%C3%B3ng_mi%E1%BB%81n_Nam_Vi%E1%BB%87t_Nam) tại vùng này, đặc biệt là [Chiến dịch Bắc Tây Nguyên](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_B%E1%BA%AFc_T%C3%A2y_Nguy%C3%AAn_1972). Trong chiến dịch này, ông được giao nhiệm vụ Tư lệnh Mặt trận cánh Đông ông chịu trách nhiệm theo dõi và chỉ huy trực tiếp các lực lượng Quân giải phóng trong [Trận Đắk Tô - Tân Cảnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_%C4%90%E1%BA%AFk_T%C3%B4_(1972)), tiêu diệt cụm phòng ngự Đắk Tô - Tân Cảnh, tấn công Chỉ huy sở Sư đoàn 22 [Quân lực Việt Nam Cộng hòa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_l%E1%BB%B1c_Vi%E1%BB%87t_Nam_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a), tiêu diệt Đại tá Lê Đức Đạt, Tư lệnh Sư trưởng, Đại tá Vi Văn Bình - Phó Tư lệnh và hầu hết sĩ quan Bộ Tham mưu Sư đoàn 22 bị bắt sống, gần như xóa sổ 2 trung đoàn 42 và 47 của [Việt Nam Cộng hòa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a).Đây là trận chiến có quy mô lớn nhất và chiến thắng oanh liệt nhất của Mặt trận Tây Nguyên tính tới thời điểm này. Để phát triển lực lượng, chuẩn bị cho các trận đánh kế tiếp nên ngày 20 tháng 9 năm 1972, một sư đoàn chủ lực mới của Mặt trận Tây Nguyên được thành lập với phiên hiệu [Sư đoàn 10](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%B0_%C4%91o%C3%A0n_10,_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam), mật danh Đoàn Đắc Tô, hình thành từ Bộ tư lệnh và cơ quan mặt trận cánh Đông Tây Nguyên tại Đắc Tô - Tân Cảnh. Ông được giao nhiệm vụ Phó tư lệnh kiêm Sư đoàn trưởng đầu tiên của Sư đoàn 10. Ông [Đặng Vũ Hiệp](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%B7ng_V%C5%A9_Hi%E1%BB%87p) làm Chính ủy.[[6]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_M%E1%BA%A1nh_Qu%C3%A2n#cite_note-su10-6) Rút kinh nghiệm từ đơn vị bạn trong trận Công Tum, ông đã trực tiếp trinh sát kỹ lưỡng và từ đó trực tiếp chỉ huy giành thắng lợi giòn giã trong trận tiêu diệt một cứ điểm mạnh khác của Quân lực Việt Nam cộng hòa ở mặt trận Tây nguyên là Plây Cần và sau đó giành thắng lợi ở hàng loạt cứ điểm khác: Đắc Xiêng, Non Nước, Lam Sơn, Đắc Pét, Mănh Đen, Măng Bút...  Cuối tháng 5 năm 1973, tướng Hoàng Minh Thảo được rút ra Bắc nhận nhiệm vụ Phó Tư lệnh [Quân khu 5](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_khu_5,_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam). Ông được phân công kiêm quyền Tư lệnh một thời gian ngắn trước khi cũng được rút về Bắc đảm nhiệm lại chức vụ Cục trưởng Cục Quân huấn năm 1974.  Năm 1972, ông được phong [quân hàm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_h%C3%A0m) [Đại tá](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_t%C3%A1)- Đầu năm 1975tham gia công tác chuẩn bị cho [Chiến dịch Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh). Sau thắng lợi quân sự cuối cùng, cuối năm 1975, ông cùng một số cán bộ Cục Quân huấn được phân công tham gia "Tổng kết [Chiến dịch Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh)" tại [Đà Lạt](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A0_L%E1%BA%A1t). Sau đó ông được cử làm Phó trưởng đoàn quân sự cấp cao của QDND Việt Nam thăm và làm việc tại Học viện quân sự mang tên Nguyên soái Malinopski Liên Xô theo lời mời của bạn. Tháng 5 năm 1976, ông được phân công làm Hiệu trưởng [Trường Sĩ quan Lục quân 2](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_%C4%90%E1%BA%A1i_h%E1%BB%8Dc_Nguy%E1%BB%85n_Hu%E1%BB%87).Tiếc rằng một năm sau đó ông bị lâm bệnh nặng Ông qua đời năm 1988 tại [Thành phố Hà nội](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_H%C3%A0_n%E1%BB%99i&action=edit&redlink=1).  **Các danh hiệu đạt được**  Vì những thành tích hoạt động, Ông được Đảng và Nhà nước tặng:  - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Mỹ;  - Huân chương Quân công hạng nhất, nhì;  - Huân chương Kháng chiến hạng nhất, nhì;  - Huân chương chiến công hạng nhất, nhì, ba;  - Huân chương chiến thắng hạng Nhất, nhì, ba;  - Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, nhì;  - Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, nhì, ba;  - Huy chương quân kỳ quyết thắng;  - Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng. |
| 13 | Nguyễn Văn Hoàng | - Anh hùng Nguyễn Văn Hoàng được sinh ra và lớn lên trên mảnh đất giàu truyền thống cách mạng (xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi); cùng với truyền thống cách mạng của quê hương, gia đình Nguyễn Văn Hoàng đã có nhiều đóng góp quan trọng đối với phong trào cách mạng địa phương.  - Năm 18 tuổi Nguyễn Văn Hoàng lên đường tham gia chiến đấu tại chiến trường Kon Tum; thời gian đầu, Hoàng công tác trong lực lượng an ninh tỉnh Kon Tum ở vùng hậu cứ. Cuối năm 1967, để nắm chắc tình hình của địch phục vụ cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968; Nguyễn Văn Hoàng được cấp trên điều động từ hậu cứ (B8 - Ban an ninh tỉnh) ra phía trước để tăng cường cho đội công tác A25 (An ninh thị). Đội công tác A25 được hình thành trong những năm 1965-1967 nhằm thực hiện ý kiến của Tỉnh ủy chỉ đạo Ban An ninh tỉnh nghiên cứu, mở rộng địa bàn hoạt động vào sâu trong vùng địch để nắm chắc thông tin, vận động, xây dựng cơ sở cách mạng quần chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động cách mạng.  - Hoạt động trong vùng giáp ranh với địch, đồng chí Nguyễn Văn Hoàng rất gan dạ, dũng cảm, mưu trí, len lỏi hoạt động khắp vùng địch. Đồng chí đã xây dựng, móc nối và phụ trách 5 cơ sở quần chúng tốt hoạt động tích cực và hiệu quả; đồng thời tham gia nhiều trận diệt ác ôn nổi tiếng cả địa bàn Phương Quý, làm cho địch phải nhiều phen kinh hoàng, hoảng hốt.  - Nhiều chiến công hiển hách của Nguyễn Văn Hoàng và đồng đội của anh đã tô thắm thêm chiến công anh hùng của lực lượng an ninh tỉnh Kon Tum. Trong đó có vụ vay bắt tên quận trưởng Kon Tum lúc y đang nhậu tại nhà tên tay sai ở Phương Quý, anh cùng đồng đội vạch kế hoạch tác chiến, lợi dụng bóng đêm bí mật áp sát nhà tên tay sai và nổ súng nhưng y đã chạy thoát. Trận khác, Nguyễn Văn Hoàng chỉ huy bố trí bất ngờ chặn đánh bọn cảnh sát sau giờ làm việc về nhà trong khu vực thị xã gần làng Kon Rbàng (xã Vinh Quang ngày nay); trận đánh đã làm cho bọn địch bị thương và chết khá nhiều, đồng thời rút quân an toàn.  - Tháng 4-1969 Nguyễn Văn Hoàng đã phối hợp cùng đồng đội diệt tên trung úy tình báo Sơn; tháng 9-1970 lại tiếp tục tiêu diệt tên Hồ Thông; điển hình nhất là tiêu diệt tên Ngô My, trưởng mạng lưới tình báo, kiêm trung đội trưởng nghĩa quân. Tháng 8-1971 Nguyễn Văn Hoàng báo cáo cấp trên và vạch kế hoạch tiêu diệt tên Ngô My một cách táo bạo, kế hoạch đã thực hiện thành công, tên Ngô My phải đền tội, toàn đội công tác A25 an toàn.  - Năm 1970, địch đánh hơi sự có mặt của lực lượng ta ở Phương Quý, chúng ra sức lùng sục, tìm kiếm và phát hiện hầm bí mật của ta. Chúng huy động một trung đội cảnh sát dã chiến bất ngờ tập kích, bao vây kêu gọi đầu hàng. Lúc bấy giờ, đồng chí Viêm (Trưởng an ninh thị) và đồng chí Hoàng (Phó an ninh thị) đang ở dưới hầm; mặc cho địch kêu gọi đầu hàng, Nguyễn Văn Hoàng đã bình tỉnh, gan dạ đã hội ý với đồng chí Viêm bàn kế hoạch thoát khỏi vòng vây địch; Nguyễn Văn Hoàng đã tiêu hủy hết tài liệu của ta, sau đó dũng cảm tung nắp hầm lên trước để đánh tháo, bắn nhiều loạt đạn AK về phía quân địch đang hô hoán, quá bất ngờ kẻ địch đã không kịp đối phó, mặc dù bị thương, xong đồng chí Hoàng và đồng chí Viêm đã chạy thoát; sau đó đồng chí được Tỉnh ủy khen thưởng về tinh thần mưu trí, dũng cảm chiến đấu, cứu đồng đội. Nhiều trận đánh của Nguyễn Văn Hoàng và đồng đội đã làm cho kẻ địch ăn không ngon, ngủ không yên, làm cho mâm tề ngụy khiếp sợ. Cuối cùng, nhờ bọn chỉ điểm; khoảng 9 giờ ngày 01-10-1971 kẻ địch đã huy động lực lượng bao vây hầm bí mật của ta, bọn chúng dùng lựu đạn ném vào hầm trú ẩn của đồng chí Viêm và đồng chí Hoàng, hai đồng chí đã anh dũng hy sinh.  - Ghi nhận công lao và thành tích của Nguyễn Văn Hoàng trong sự nghiệp chống Mỹ giành độc lập dân tộc, ngày 3 tháng 8 năm 1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng đồng chí danh hiệu: Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân. |
| 14 | Trương Định | Năm 1850, hưởng ứng chính sách khẩn hoang của tướng Nguyễn Tri Phương, Trương Định chiêu mộ dân nghèo lập đồn điền ở Gia Thuận (Gò Công), vì thế ông được nhà Nguyễn bổ làm Quản Cơ, hàm Lục phẩm. Quê: làng Tư Cung, phủ Bình Sơn, [Quảng Ngãi](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Ng%C3%A3i) (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh [Quảng Ngãi](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Ng%C3%A3i)).  Năm 1859, quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, sau đó Trương Định đem quân đồn điền lên đóng quân ở Thuận Kiều và từng đánh thắng quân Pháp ở Cây Mai, Thị Nghè.  Năm 1861, Pháp tấn công Gia Định lần thứ 2, Trương Định cùng Lưu Tiến Thiện, Lê Quang Quyền trấn giữ vùng Gia Định - Định Tường. Ở đây ông tự xưng là "Trung thiên tướng", nhân dân tôn ông là "Bình tây đại nguyên soái" xây dựng căn cứ địa kháng chiến.  Ngày 16/12/1862, Trương Định đã lệnh tấn công các vị trí của quân Pháp ở cả 3 tỉnh Miền Đông Nam Bộ, đẩy quân Pháp vào thế bị động. Đến tháng 12 quân Pháp mở cuộc phản công tại Biên Hòa, Chợ Lớn, bao vây Gò Công và ông đã hy sinh tại đây. Thời gian 1820-1864. |
| 15 | Trần Quang Khải | Ông là một quý tộc, đại thần nhà Trần, làm đến chức Tể tướng đời Trần Thánh Tông, sang đời Trần Nhân Tông, khi quân xâm lược Nguyên - Mông xâm lăng bờ cõi ông được phong chức Thượng tướng Thái sư, lãnh đạo quân dân trấn giữ mặt Nam đất Nghệ An ông lập công lớn tại Chương Dương Độ. Thời gian 1241-1289. |
| 16 | Yết Kiêu | Ông là Danh tướng và là gia thần thân tín của Trần Hưng Đạo, là người có tài bơi lặn giỏi, dùng tài của mình để đục thuyền quân xâm lược trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông. Quê: Hạ Bì, Gia Lộc, Hải *Dương (nay là xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, Hải Dương)*. Thời gian 1242-1301. |
| 17 | Phan Huy Chú | Phan Huy Chú là con của [Phan Huy Ích](https://vi.wikipedia.org/wiki/Phan_Huy_%C3%8Dch), một nhà nho có tiếng đậu tiến sĩ đời nhà Hậu Lê và từng làm quan cho nhà [Tây Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_T%C3%A2y_S%C6%A1n). Mẹ ông là Ngô Thị Thực, con gái của Ngô Thì Sĩ, em gái của Ngô Thì Nhậm, bà mất khi ông 10 tuổi. **Phan Huy Chú** có tên là **Hạo**, sau vì kiêng quốc húy của nhà Nguyễn mới đổi là **Chú**, tự Lâm Khanh, hiệu Mai Phong.  Năm [Tân Tỵ](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2n_T%E1%BB%B5) ([1821](https://vi.wikipedia.org/wiki/1821)), vua [Minh Mạng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Minh_M%E1%BA%A1ng) biết tiếng Phan Huy Chú, cho triệu ông vào kinh đô Huế, cử giữ chức Biên tu trường Quốc tử giám ở [Huế](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%E1%BA%BF).  Năm [Ất Dậu](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4t_D%E1%BA%ADu) ([1825](https://vi.wikipedia.org/wiki/1825)), ông làm Phó sứ sang [Trung Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c). Khi về, được làm Phủ thừa phủ [Thừa Thiên](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%ABa_Thi%C3%AAn_-_Hu%E1%BA%BF), rồi thăng Hiệp Trấn [Quảng Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Nam) ([1829](https://vi.wikipedia.org/wiki/1829)).  Năm [Tân Mão](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2n_M%C3%A3o) ([1831](https://vi.wikipedia.org/wiki/1831)), lại sung Phan Huy Chú làm Phó sứ sang [nhà Thanh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Thanh) ([Trung Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c)). Nhưng khi về nước, thì cả đoàn sứ bộ đều bị giáng chức (ông bị cách chức), vì tội "lộng quyền".  Năm sau ([Nhâm Thìn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A2m_Th%C3%ACn), [1832](https://vi.wikipedia.org/wiki/1832)), cho ông làm phục dịch trong phái bộ sang Batavia (Giang Lưu Ba, [Indonesia](https://vi.wikipedia.org/wiki/Indonesia)) để lập công chuộc tội.  Trở về ([Giáp Ngọ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1p_Ng%E1%BB%8D), [1834](https://vi.wikipedia.org/wiki/1834)), ông được bổ làm Tư vụ [bộ Công](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BB%99_C%C3%B4ng&action=edit&redlink=1). Sau đó, vì chán chốn quan trường, ông cáo bệnh xin về hưu ở làng Thanh Mai, thuộc huyện Tiên Phong (nay là xã Vũ Thắng, huyện [Ba Vì](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ba_V%C3%AC_(%C4%91%E1%BB%8Bnh_h%C6%B0%E1%BB%9Bng)), [thành phố Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i)). Ở đây, ông làm nghề dạy học và soạn sách cho đến khi mất.  Phan Huy Chú mất ngày [27 tháng 4](https://vi.wikipedia.org/wiki/27_th%C3%A1ng_4) năm [Canh Tý](https://vi.wikipedia.org/wiki/Canh_T%C3%BD) ([28 tháng 5](https://vi.wikipedia.org/wiki/28_th%C3%A1ng_5) năm [1840](https://vi.wikipedia.org/wiki/1840)) lúc 58 tuổi.Phần mộ của ông hiện ở tại thôn Mai Trai, xã Vạn Thắng, huyện [Ba Vì](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ba_V%C3%AC_(%C4%91%E1%BB%8Bnh_h%C6%B0%E1%BB%9Bng)). |
| 18 | Trần Huy Liệu | Trần Huy Liệu ([5 tháng 11](https://vi.wikipedia.org/wiki/5_th%C3%A1ng_11) năm [1901](https://vi.wikipedia.org/wiki/1901) - [28 tháng 7](https://vi.wikipedia.org/wiki/28_th%C3%A1ng_7) năm [1969](https://vi.wikipedia.org/wiki/1969)) là một nhà văn, nhà hoạt động cách mạng, nhà sử học, nhà báo [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam). Ông từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo cấp cao (như Bộ trưởng Bộ Thông tin Tuyên truyền) trong chính phủ đầu tiên của nước [Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_D%C3%A2n_ch%E1%BB%A7_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a). Ông là chủ tịch đầu tiên của [Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%99i_Khoa_h%E1%BB%8Dc_L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Vi%E1%BB%87t_Nam), Viện sĩ [Viện Hàn lâm Khoa học Đông Đức](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Vi%E1%BB%87n_H%C3%A0n_l%C3%A2m_Khoa_h%E1%BB%8Dc_%C4%90%C3%B4ng_%C4%90%E1%BB%A9c&action=edit&redlink=1).  Năm 1928 ông thành lập Cường học thư xã chuyên xuất bản sách cổ võ tinh thần yêu nước, nâng cao dân trí.  Cũng trong năm này, ông tham gia nhập [Việt Nam Quốc dân đảng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_Qu%E1%BB%91c_d%C3%A2n_%C4%90%E1%BA%A3ng) và tổ chức đảng bộ trong Nam giữ cương vị Bí thư kỳ Nam bộ.  Rồi bị Pháp bắt vào khoảng tháng 8 năm 1928, bị kết án 5 năm tù và đày ra [Côn Đảo](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4n_%C4%90%E1%BA%A3o). Trong tù, vì tiếp xúc với người cộng sản ông tiếp thu [chủ nghĩa cộng sản](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_ngh%C4%A9a_c%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n), tuyên bố li khai Quốc dân đảng, tự nguyện đứng vào hàng ngũ những người cộng sản.  Năm 1935, ông ra tù, bị trục xuất về miền Bắc.  Từ năm 1936, ông được kết nạp vào [Đảng Cộng sản Đông Dương](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam), tích cực hoạt động cho đảng.  Tháng 10 năm 1939 lại bị bắt đày đi [Sơn La](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1n_La), [Bá Vân](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%C3%A1_V%C3%A2n&action=edit&redlink=1), [Nghĩa Lộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%C4%A9a_L%E1%BB%99). Đến tháng 3 năm 1945, tham gia phá trại giam Nghĩa Lộ, vượt ngục trở về Hà Nội làm công tác cách mạng.  Tháng 8 năm 1945, ông dự [Đại hội Quốc dân](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BA%A1i_h%E1%BB%99i_Qu%E1%BB%91c_d%C3%A2n&action=edit&redlink=1) ở [Tân Trào](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2n_Tr%C3%A0o) và được bầu làm Phó chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng (có vai trò như Chính phủ cách mạng lâm thời lúc đó). Ông là người soạn Quân lệnh số 1 phát lệnh Tổng khởi nghĩa toàn quốc dẫn đến Cách mạng Tháng Tám thắng lợi rồi làm Bộ trưởng Bộ Thông tin Tuyên truyền trong Chính phủ lâm thời.  Ngày 25 tháng 8 năm 1945 ông thay mặt Chính phủ cùng với [Nguyễn Lương Bằng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_L%C6%B0%C6%A1ng_B%E1%BA%B1ng) và [Cù Huy Cận](https://vi.wikipedia.org/wiki/Huy_C%E1%BA%ADn) vào kinh đô Huế chấp nhận sự thoái vị và nhận ấn tín của vua [Bảo Đại](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A3o_%C4%90%E1%BA%A1i).  Từ năm 1953, ông chuyển sang công tác nghiên cứu khoa học, làm Trưởng ban [Ban nghiên cứu Văn Sử Địa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ban_nghi%C3%AAn_c%E1%BB%A9u_V%C4%83n_S%E1%BB%AD_%C4%90%E1%BB%8Ba) trực thuộc Trung ương Đảng cho đến năm 1959.  Sau đó ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ Viện trưởng đầu tiên của [Viện Sử học](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87n_S%E1%BB%AD_h%E1%BB%8Dc_(Vi%E1%BB%87t_Nam)), Phó chủ nhiệm [Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87n_H%C3%A0n_l%C3%A2m_Khoa_h%E1%BB%8Dc_x%C3%A3_h%E1%BB%99i_Vi%E1%BB%87t_Nam).  Ông để lại 290 công trình nghiên cứu và các bản hồi ký là một di sản đồ sộ, ông đã có những cống hiến xuất sắc cho nền sử học đất nước, trong đó "Lịch sử 80 năm chống Pháp" đã đem lại vinh quang cho ông, tác phẩm được đưa vào làm sách giáo khoa trong các trường Đại học. Ông được bầu làm Chủ tịch đầu tiên của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam  Ngày 28 tháng 7 năm 1969 ông mất tại Hà Nội, thọ 68 tuổi, an táng tại khu A Nghĩa trang Văn Điển, Hà Nội. Năm 1986 hài cốt của ông được chuyển về nghĩa trang Mai Dịch .  Trần Huy Liệu được bầu làm Viện sĩ Thông tấn do Viện Hàn lâm khoa học Cộng hòa dân chủ Đức và được nhà nước [Cộng hòa Dân chủ Đức](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a_D%C3%A2n_ch%E1%BB%A7_%C4%90%E1%BB%A9c) tặng thưởng Huân chương khoa học Humboldt.  Năm 1996, các công trình về Lịch sử của Trần Huy Liệu được truy tặng [Giải thưởng Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BA%A3i_th%C6%B0%E1%BB%9Fng_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) đợt đầu tiên. |
| 19 | Hà Huy Tập | Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà nho nghèo, Hà Huy Tập đã sớm thể hiện tư chất thông minh, hiếu học (*Làng Kim Nặc, tổng Thổ Ngọa, nay thuộc xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh)*. Sinh ngày *24/4/1906.* Năm 1919, Hà Huy Tập đã học xong bậc tiểu học và thi tiếp vào bậc trung học. Sau bốn năm miệt mài đèn sách, Hà Huy Tập đã tốt nghiệp hạng ưu Trường Quốc học Huế. Vì hoàn cảnh nhà nghèo không thể tiếp tục học lên bậc cao, Hà Huy Tập xin làm giáo viên tiểu học ở Nha Trang.  Từ năm 1923 đến năm 1926, Hà Huy Tập dạy học ở Nha Trang. Bằng nhiệt huyết của tuổi trẻ và lòng yêu nước, Hà Huy Tập đã sớm bước vào cuộc đời hoạt động cách mạng từ năm 1925.  Do những năm hoạt động tại Nha Trang, Hà Huy Tập đã bị chính quyền thực dân theo dõi và trục xuất khỏi Nha Trang vào giữa năm 1926. Không thể hoạt động ở Nha Trang, Hà Huy Tập chuyển về thành phố Vinh dạy học ở Trường tiểu học Cao Xuân Dục và tham gia hoạt động trong Hội Phục Việt, một tổ chức bí mật của những người yêu nước được thành lập ở Vinh, sau đó đổi thành Hội Hưng Nam rồi Tân Việt Cách mạng Đảng.  Nhận thấy sự nguy hiểm của Hội Hưng Nam và những hoạt động cách mạng của Hà Huy Tập, chính quyền thực dân ở Nghệ An đã sa thải đồng chí.  Tháng 3-1927, Hà Huy Tập chuyển vào Sài Gòn hoạt động và xin dạy học ở Trường Tư thục An Nam học đường để vừa che mắt địch, vừa kiếm sống và hoạt động cách mạng.  Tháng 6-1928, Hà Huy Tập bị sa thải khỏi An Nam học đường vì lý do "kích động học sinh bãi khóa nhiều lần".  Tháng 12-1928, để tránh sự khủng bố gắt gao của thực dân Pháp, cùng với hai đồng chí được Tổng bộ Tân Việt Cách mạng Đảng cử sang Quảng Châu thương lượng với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên bàn việc hợp nhất, Hà Huy Tập lên đường sang Trung Quốc hoạt động.  Tháng 6-1929, thông qua Tổng lãnh sự Liên Xô ở Trung Quốc, Hà Huy Tập sang Liên Xô học tại Trường Đại học Phương Đông. Sau một thời gian học tập, Hà Huy Tập được kết nạp vào Đảng Cộng sản Liên Xô.  Tháng 4-1933, Hà Huy Tập rời Liên Xô lên đường về nước qua đường Trung Quốc. Tại Ma Cao, tháng 3-1934, Hà Huy Tập đã cùng với Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Dựt thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng do Lê Hồng Phong làm Thư ký.  Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng, tháng 3-1935, Hà Huy Tập được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Ban Thường vụ.  Ngày 26-7-1936, Hội nghị Trung ương đã bầu Hà Huy Tập làm Tổng Bí thư của Đảng. Sau Hội nghị, Hà Huy Tập bí mật về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng, tổ chức lại Ban Chấp hành Trung ương.  Ngày 1-5-1938, do có nội phản chỉ điểm, Hà Huy Tập bị địch bắt giam. Hết hạn tù, đồng chí được trả tự do và bị quản thúc ở quê nhà.  Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, ngày 30-3-1940, thực dân Pháp ra lệnh bắt Hà Huy Tập, đưa về giam ở Khám Lớn Sài Gòn.  Tháng 11-1940, khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, cùng với nhiều đồng chí khác, Hà Huy Tập bị buộc phải "chịu trách nhiệm tinh thần" về cuộc khởi nghĩa và bị xử tử hình theo luật đặc biệt thời chiến không cần chứng cớ. Ngày 28-8-1941, đồng chí bị địch xử bắn ở Hóc Môn (Gia Định).  Đồng chí Hà Huy Tập là một chiến sĩ cộng sản kiên trung, nhà lý luận xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam. Trên cương vị là Trưởng ban Chỉ huy ở ngoài rồi Tổng Bí thư của Đảng trong một giai đoạn lịch sử đầy thử thách và biến động, Hà Huy Tập đã có công lao to lớn trong việc khôi phục tổ chức đảng và phong trào quần chúng, tạo tiền đề đưa cách mạng giải phóng dân tộc tiếp tục tiến lên. |
| 20 | Võ Thị Sáu | Quê: Xã Phước Thọ, quận Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa, nay thuộc xã Phước Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa. Thời gian 1933 - 1952  Chị sớm giác ngộ cách mạng từ khi mới 12 tuổi.  Năm 1947, lúc 14 tuổi, chị vừa làm nhiệm vụ mua hàng, làm giao liên để nắm tình hình địch. Tuy còn nhỏ tuổi chị rất mưu trí và luôn hoàn thành nhiệm vụ được phân công.  Năm 1949, chị đã trở thành người đội viên công an xung phong Đất Đỏ. Chị đã dũng cảm, sáng tạo và luôn hoàn thành nhiệm vụ người chiến sĩ công an xung phong, tham gia nhiều trận chiến đấu để bảo vệ quê hương, trong đó nổi bật nhất là trận đánh diệt tên cai tổng nổi tiếng ác ôn ở Đất Đỏ vào năm 1949 và dùng lựu đạn phá cuộc mít tinh tuyên truyền do Pháp thực hiện tại huyện. Vì vậy, bọn thực dân Pháp vô cùng lo sợ và căm tức đối với hoạt động của đội công an xung phong mà tiên phong là chị Võ Thị Sáu, nên từ đó, bọn chúng ra sức truy lùng ráo riết.  Tháng 12/1949, trong một chuyến công tác tại Đất Đỏ, chị Sáu đã sa vào tay giặc, hơn một tháng bị giam giữ tại nhà tù Đất Đỏ và khám đường Bà Rịa, địch dùng nhiều thủ đoạn tra tấn dã man nhưng chúng vẫn không lấy được một lời khai nào của chị, sau đó bọn chúng đưa chị về giam giữ ở khám Chí Hòa. Mặc dù bị địch giam giữ nhưng chị Sáu vẫn tiếp tục làm liên lạc cho các đồng chí trong khám và cùng các chị, em trong tù đấu tranh buộc địch phải cải thiện cuộc sống trong nhà tù. Trước tinh thần đấu tranh quyết liệt và không nao núng của chị Sáu cùng những đồng chí trong tù, dù không đủ bằng chứng, nhưng thực dân Pháp cùng bọn tay sai vẫn kết án tử hình và đày chị ra Côn Đảo.  Là người chiến sĩ kiên cường, dũng cảm, trung thành, chị Võ Thị Sáu vinh dự được Đảng ủy nhà tù Côn Đảo kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam và công nhận là đảng viên chính thức.  Chị Võ Thị Sáu hy sinh vào sáng ngày 23/01/1952. Khi giặc Pháp đưa chị ra xử bắn, với nét mặt ung dung, bước đi vững chắc, ngẩng cao đầu, cất lên bài hát Quốc tế ca, với tinh thần lạc quan cách mạng, chị đã thể hiện tinh thần bất khuất của người chiến sĩ cộng sản.  Chị Võ Thị Sáu hy sinh đã để lại sự thương tiếc vô hạn đối với đồng chí, đồng đội và đồng bào; đồng thời sự hy sinh của chị là lời tố cáo đanh thép đối với sự dã man và âm mưu hèn hạ của chế độ thực dân Pháp lúc bấy giờ.  Chị Võ Thị Sáu là người tử tù đầu tiên ở Côn Đảo cũng là người nữ tù nhỏ tuổi nhất, chị đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu AHLL vũ trang nhân dân vào ngày 02/08/1993. |
| 21 | Nguyễn Chí Thanh | Ông sinh năm 1914, mất năm 1967, Thôn Niêm Phò, huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên, nay là thành phố Huế  Đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.  Ông được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương tháng 7/1937 và được cử làm Bí thư chi bộ.  Năm 1938, đồng chí được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên.  Tháng 8 năm 1945, đồng chí được cử đi dự Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào – Tuyên Quang và được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương, được chỉ định làm Bí thư Xứ ủy Trung kỳ.   Năm 1959, đồng chí được Quốc hội và Hồ chủ tịch phong quân hàm Đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960), Đại tướng Nguyễn Chí Thanh lại được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, được cử vào Bộ Chính trị và Ban Bí thư.  Từ năm 1965 đến 1967, ông được phân công vào Nam, giữ chức Bí thư Trung ương Cục miền Nam, kiêm Chính Ủy quân Giải phóng miền Nam.  Với nhiều công lao và thành tích đối với cách mạng, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã được Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam tặng thưởng nhiều huân chương cao quý và được nhà nước tặng Huân chương Hồ Chí Minh hạng Nhất và Huân chương Quân công hạng nhất. |
| 22 | Nguyễn Thái Học | Ông sinh 1901, mất 1930, Làng Thổ Tang, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay thuộc Vĩnh Phúc)  Ông là một nhà cách mạng, là một trong những người sáng lập Việt Nam Quốc dân Đảng và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Bái năm 1930.  Ông sinh ra trong một gia đình nho học giàu truyền thống yêu nước. Ông từng theo học trường Pháp Việt quốc ngữ ở Vĩnh Tường, sau đó là trường Cao đẳng Thương mại Đông Dương ở Hà Nội. Trong thời gian này ông đã nung nấu ý chí làm cách mạng giải phóng dân tộc.  Năm 1927, tại Nam Đồng Thư xã (Hà Nội), ông thành lập Việt Nam Quốc dân Đảng do ông làm chủ tịch, chủ trương giành chính quyền bằng bạo lực.  Dưới sự lãnh đạo của Việt Nam Quốc dân Đảng đứng đầu là lãnh tụ Nguyễn Thái Học, phong trào bạo động chống Pháp ở các tỉnh đã nổ ra mà đỉnh cao là khởi nghĩa Yên Bái vào đêm 9, rạng ngày 10/2/1930. Cuộc bạo động đã không thành công, Việt Nam Quốc dân Đảng và khởi nghĩa Yên Bái bị dìm trong bể máu. Nguyễn Thái Học cùng các đồng chí bị giặc Pháp bắt và hành hình, phong trào bị dập tắt.  Tuy bị thất bại, nhưng phong trào Việt Nam Quốc dân Đảng và khởi nghĩa Yên Bái đã ghi một dấu son quan trọng trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và truyền thống yếu nước của dân tộc ta thời kỳ trước khi có Đảng cộng sản lãnh đạo. Nguyễn Thái Học đã để lại tấm gương chói lọi về chủ nghĩa yêu nước, chí anh hùng và lòng dũng cảm cho hậu thế noi theo. Ông đã được Chính phủ truy tặng Liệt sĩ và bằng Tổ quốc ghi công. Nhiều địa danh, nhiều công trình văn hoá trong cả nước được mang tên Ông. |
| 23 | Trần Cao Vân | Tên thật là Trần Cao Đệ, pháp danh Như Y, biệt hiệu là Hồng Việt, Chánh Minh, Bạch Sỹ, sau đổi tên thành Trần Cao Vân;  Ông sinh 1966, mất 1916, làng Tư Phú, Tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là xã ĐiệnThọ, huyệnĐiện Bàn,tỉnh Quảng Nam).  Năm 1882 trong lúc đi thi ông bị bệnh nặng, không dự thi được. Những năm tiếp đó do cảnh quốc phá gia vong, ông bỏ luôn cử nghiệp, dấn thân vào công cuộc cứu nước. Năm 1892, ông từ giã Quảng Nam vào hoạt động ở Bình Định, Phú Yên. Tại đây ông cùng các chiến hữu lập được nhiều cơ sở chống Pháp. Năm 1898, tham gia cuộc khởi nghĩa Võ Trứ. Khởi nghĩa bị thất bại, ông bị thực dân bắt giam ở ngục Phú Yên, sau đó đưa về giam ở Quảng Nam. Năm 1907, mới được trả tự do. Năm 1908, nhân phong trào chống thuế Quảng Nam, ông lại bị thực dân Pháp bắt lần nữa, bị đày ra Côn Đảo cho đến năm 1914.  Năm 1915, ông tham gia Hội Việt Nam Quang Phục. Theo chương trình của Hội, ông và Thái Phiên chịu trách nhiệm liên lạc với vua Duy Tân tổ chức khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa thất bại, ông bị bắt, thực dân kết án tử hình và xử chém cùng với nhiều đồng chí khác tại An Hoà (Huế). Ngôi mộ chung hai chí sĩ yêu nước Trần Cao Vân và Thái Phiên sau nhiều lần cải táng, hiện tọa lạc trên đồi Từ Hiếu (Thành phố Huế), đã được Bộ Văn hoá Thông tin (nay là Bộ VHTTDL) công nhận di tích quốc gia. |
| 24 | Huỳnh Đăng Thơ | Ông sinh 1889, mất 1982; Làng Đại An, tổng Mỹ Đức, phủ An Nhơn, nay thuộc xã Nhơn Mỹ, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định  Nhà hoạt động cách mạng, là Đảng viên đầu tiên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ở tỉnh Kon Tum.  Sớm rời quê kiếm sống, rồi đi lính cho Pháp, thành viên đội quản lao nhà lao Kon Tum. Được đồng chí Ngô Đức Đệ cảm hóa và giáo dục con đường đấu tranh cách mạng. Sau một thời gian thử thách 9/1930, đồng chí Ngô Đức Đệ tuyên bố kết nạp Huỳnh Đăng Thơ vào Đảng Cộng sản Việt Nam tại một địa điểm ngay trong nhà lao Kon Tum.  9/1930, Chi bộ binh được thành lập gồm 4 Đảng viên trong đó có đồng chí Huỳnh Đăng Thơ. |
| 25 | Nguyễn Đức Cảnh | Ông sinh 1908, mất 1932; Thụy Hà, Thụy Anh, Thái Bình  Ông là một nhà hoạt động cách mạng Việt Nam, ông là Bí thư đầu tiên của Thành ủy Hải Phòng và là Tổng Biên tập đầu tiên của Báo Lao động.  Lúc đang học ở Nam Định, Ông tham gia phong trào truy điệu Phan Châu Trinh và đấu tranh đòi ân xá Phan Bội Châu nên bị đuổi học. Sau đó, Ông lên Hà Nội, làm công nhân nhà in Lê Văn Tân, liên lạc với nhóm Nam Đồng thư xã và trở thành đảng viên của Việt Nam Quốc dân đảng.  Tháng 9/1927, Ông được Việt Nam Quốc dân đảng cử sang Trung Quốc gặp Tổng bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội để thống nhất hành động chống Pháp. Tại đây, Ông gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc và đã chuyển hướng tư tưởng, ly khai Việt Nam Quốc dân đảng, gia nhập tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội (VNTNCMĐCH).  Năm 1928, Ông về nước và được cử vào Kỳ bộ Bắc Kỳ VNTNCMĐCH, hoạt động ở Hải Phòng và các tỉnh vùng mỏ. Ông được kỳ bộ thanh niên cách mạng đồng chí hội cử làm bí thư tỉnh bộ thanh niên cách mạng Hải Phòng sau đó được đề bạt làm Ủy viên ban chấp hành kỳ bộ và được cử làm bí thư khu bộ Hải Phòng. Tháng 3/1929, Ông cùng lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Hà Nội, tại 5D phố Hàm Long. Ngày 17/6/1929, Ông tham gia thành lập Đông Dương Cộng sản đảng tại 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội) và được cử làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương lâm thời. Trong Hội nghị hợp nhất Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Đức Cảnh và Trịnh Đình Cửu là 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng. Tiếp theo đó, Ông tham gia Ban chấp hành lâm thời, trực tiếp chỉ đạo tổ chức Công hội Đỏ. Ngày 28/9/1929, tại Đại hội thành lập Tổng Công hội Đỏ Bắc Kỳ, Nguyễn Đức Cảnh được bầu làm Tổng thư ký và phụ trách tờ báo “Lao động” và tạp chí “Công hội đỏ”. Đến cuối năm 1930, Ông về nước và được Trung ương cử vào công tác ở Trung Kỳ, được bầu vào Thường vụ Xứ ủy Trung Kỳ, phụ trách tuyên huấn.  Cuối tháng 4/1931, Ông bị bắt ở Vinh, rồi đưa về Hà Nội. Thực dân Pháp đã tra tấn Ông dã man, nhưng Ông đã bất khuất, không cung khai nửa lời. Ngày 31/7/1932, quân Pháp xử chém Ông tại Hải Phòng. |
| 26 | Huỳnh Thúc Kháng | Ông sinh 1876, mất 1947; Huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam).  Chí sĩ, danh sĩ, ông sinh vào tháng 11/1876, gọi là Hanh, sau đổi Thúc Kháng, quê ở huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam ( nay là xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam).  Năm 16 tuổi đi thi Hương, 29 tuổi đỗ Tiến sĩ. Và cũng từ đó bắt đầu học chữ Quốc ngữ, phát động phong trào Duy Tân. Năm 1908, nhân vụ chống thuế Trung kỳ, ông bị thực dân Pháp đày ra Côn Lôn, đến năm 1921 mới được trả tự do.  Năm 1926, ông ứng cử vào Viện dân biểu Trung Kỳ, được đắc cử Nghị viện và được bầu làm Viện trưởng. Năm 1928, ông làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút Báo Tiếng Dân. Năm 1946, nhận lời mời của Chủ tịch Hồ CHí Minh, ông hợp tác với Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Năm 1946, Bác Hồ sang Pháp dự Hội nghị, ông được giao chức vụ Quyền Chủ tịch nước .  Năm 1947, trên đường đi công tác, ông bị bệnh, mất tại Quảng Ngãi. |
| 27 | Ngô Đức Đệ | Ông là Đảng viên Tân Việt cách mạng Đảng, sau đó là Đảng viên Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập và Đông Dương Cộng sản liên đoàn sáp nhập vào Đảng, ông là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.  Ông bị thực dân Pháp bắt trong cuộc họp thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn ở ngay gần bến đò Trai ở Đức Thọ, Hà Tĩnh.  Sau khi kết án ông được thực dân Pháp đày lên giam giữ tại nhà lao Kon Tum.  Tại đây với bản lĩnh và sự khôn khéo của người Chiến sỹ Cộng sản ông đã tìm cách cảm hóa, tuyên truyền các ông đội, ông cai, binh lính cầm súng trong hàng ngũ của địch thành người yêu nước tiến bộ, rồi đến với Đảng và trở thành người Cộng sản có thể kể đến như các đồng chí: Huỳnh Đăng Thơ, Huỳnh Liễu, Nguyễn Cừ.  9/1930, Chi bộ binh được thành lập gồm 4 Đảng viên do đồng chí làm Bí thư, đồng chí là người có công lập ra tổ chức Đảng Cộng sản đầu tiên ở tỉnh Kon Tum. |
| 25 | Lê Duẩn | Sinh 1907, mất 1986; Làng Bích La Đông, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.  Xuất thân từ một gia đình lao động có truyền thống yêu nước, đồng chí đã sớm giác ngộ cách mạng.  Năm 1928, đồng chí tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và năm 1930 trở thành một trong những đảng viên đầu tiên của Đảng.  Năm 1931, đồng chí là Uỷ viên Ban Tuyên huấn Xứ uỷ Bắc Kỳ và cũng trong năm đó, đồng chí bị địch bắt tại Hải Phòng, bị kết án 20 năm tù cấm cố và lần lượt bị giam ở các nhà lao Hà Nội, Sơn La và Côn Đảo. Tại các nhà tù này, đồng chí tham gia các cuộc đấu tranh chống chế độ giam cầm hà khắc và tổ chức việc học tập chính trị.  Năm 1936, do cuộc đấu tranh của nhân dân ta và thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp, chính quyền thực dân ở Đông Dương buộc phải trả tự do cho nhiều chiến sĩ cách mạng ViệtNam, trong đó có đồng chí Lê Duẩn. Ra khỏi nhà tù, đồng chí ra sức hoạt động cách mạng ở các tỉnh miền Trung, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương nhằm động viên, tập hợp quần chúng đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, chống nguy cơ phátxít và chiến tranh.  Năm 1937, đồng chí được cử làm Bí thư lâm thời rồi Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ (1938) và từ đó đến năm 1939, hoạt động tích cực của đồng chí góp phần quan trọng đưa tới cao trào đấu tranh sôi nổi trong cả nước.  Năm 1940, đồng chí bị địch bắt ở Sài Gòn, bị kết án mười năm tù và đày đi Côn đảo lần thứ hai cho đến Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, đồng chí được Đảng và Chính phủ đón về đất liền, tham gia cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.  Năm 1946, đồng chí ra Hà Nội làm việc, góp phần cùng Trung ương Đảng chuẩn bị cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược. Cuối năm đó, đồng chí được Bác Hồ và Trung ương Đảng cử vào lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, tháng 2-1951, đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Từ năm l946 đến năm 1954, đồng chí làm Bí thư Xứ uỷ, rồi Bí thư Trung ương Cục miềnNam.  Từ năm 1954 đến 1957, sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đồng chí trở lại miền Nam làm Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ.  Tháng 4-1957, đồng chí ra Bắc nhận nhiệm vụ mới. Tại phiên họp đặc biệt của Bộ Chính trị vào ngày 7-10-l957, đồng chí được cử giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh điều hành công việc hằng ngày của Ban Bí thư và chủ trì Bộ Chính trị. Năm 1960, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, giữ chức Bí thư thứ nhất.  Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (l2-1976) và lần thứ V (3-1982) của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương và được cử vào Bộ Chính trị, giữ chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.  Đồng chí là đại biểu Quốc hội từ khoá II đến khoá VII.  Đồng chí từ trần ngày 10-7-1986.  Suốt 26 năm trên cương vị Bí thư thứ nhất và Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí cùng với Bộ Chính trị và Trung ương Đảng kiên định đường lối độc lập, tự chủ, tranh thủ sự viện trợ, giúp đỡ và đoàn kết quốc tế, sáng suốt lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang cách mạng đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.  Đồng chí Lê Duẩn là một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam, đã có nhiều công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, đặc biệt là trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. |
| 29 | Lê Quý Đôn | Tên thật là Tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường; Sinh 1726, mất 1784; Làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam (nay thuộc Hưng Hà, Thái Bình); Nhà Văn hóa, Sử gia thời Lê Trung Hưng  Ông làm quan thời Lê Trung Hưng, là nhà thơ, nhà bác học lớn của Việt Nam thời Phong Kiến. Thủa nhỏ nổi tiếng là người ham học, thông minh. Năm 1743, ông đỗ Giải nguyên, năm 1752 đỗ Nhất giáp. Ông từng đi sứ Trung Quốc và giữ nhiều chức vụ quan trọng của triều đình. Ông là tác giả của nhiều công trình đồ sộ về lịch sử, văn học, văn hóa, triết học … có thể kể đến như: Đại Việt thông sư, Phủ biên tạp lục, Quần thư khảo biên, Bắc sử thông lục, Vân đài loại ngữ… |
| 30 | Võ Nguyên Giáp | Sinh 1911, mất 2013; Xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình  Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Quân ủy Trung ương, nguyên Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng, Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam.  Từ năm 1925 đến 1926, Đại tướng tham gia phong trào học sinh ở Huế, năm 1927 tham gia Đảng Tân Việt cách mạng (một tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).  Năm 1930, Đại tướng bị địch bắt và kết án 2 năm tù. Sau khi ra tù, Đại tướng tiếp tục hoạt động tuyên truyền, gây cơ sở cách mạng trong thanh niên, học sinh. Năm 1936, Đại tướng hoạt động trong phong trào dân chủ bán hợp pháp của Đảng ở Hà Nội; là biên tập viên các báo của Đảng: “Tiếng nói của chúng ta”, “Tiến lên”, “Tập hợp”, “Thời báo”, “Tin tức”... Tham gia phong trào Đông Dương đại hội, Đại tướng được bầu làm Chủ tịch Ủy ban báo chí Bắc Kỳ.  Tháng 6/1940, Đại tướng được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và được cử sang Trung Quốc gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.  Đầu năm 1941, Đại tướng về nước, tham gia công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang ở căn cứ địa Cao-Bắc-Lạng.  Tháng 12/1944, Đại tướng được đồng chí Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.  Tháng 4/1945, tại Hội nghị Quân sự Bắc Kỳ, Đại tướng được cử vào Ủy ban Quân sự Bắc Kỳ. Từ tháng 5/1945, Đại tướng là Tư lệnh các lực lượng vũ trang cách mạng mới, thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân; tháng 6/1945, Đại tướng được đồng chí Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ thành lập Ủy ban Chỉ huy lâm thời Khu giải phóng.  Tháng 8/1945, Đại tướng được cử vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. Tại Đại hội Quốc dân Tân Trào, Đại tướng được bầu vào Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam; là Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và được bổ sung vào Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng.  Tháng 3/1946, Đại tướng là Chủ tịch Quân sự, Ủy viên trong Chính phủ Liên hiệp; khi thành lập Quân ủy Trung ương, được cử làm Bí thư Quân ủy Trung ương. Tháng 10/1946, là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được Chủ tịch Hồ Chí Minh ủy quyền làm Tổng Chỉ huy Quân đội Nhân dân và Dân quân tự vệ Việt Nam. Tháng 1/1948, Đại tướng được phong quân hàm Đại tướng Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam.  Tháng 2/1951, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Đại tướng được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị.  Từ tháng 9/1955 đến tháng 12/1979, Đại tướng là Phó Thủ tướng, kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.  Tháng 9/1960, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Đại tướng được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương, được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị.  Tháng 12/1976, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Đại tướng được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương, được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị.  Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V và lần thứ VI của Đảng, Đại tướng được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương.  Từ tháng 1/1980, Đại tướng là Phó Thủ tướng thường trực; từ tháng 4/1981 đến tháng 12/1986, là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Phó Thủ tướng Chính phủ).  Đại tướng liên tục được bầu làm Đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa VII.  Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.  Ông mất ngày 4 tháng 10 năm 2013, thọ 103 tuổi. |
| 31 | Y Pah (Y Một) | Sinh ngày 1/1/1939, mất 25/1/2004, Giới tính: Nữ  Quê quán: Làng Ri Mek, xã Đắk Môn, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum  Dân tộc: Gié-Triêng  Ngày vào Đảng: 15/8/1957  Chức vụ: Ủy viên Trung ương Đảng: Khóa IV (dự khuyết), V  - Phó Chủ tịch Quốc hội: Khóa VII  - Đại biểu Quốc hội: Khóa VII, VIII  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC  - 1955: Tham gia hoạt động cách mạng  - 1955-1958: Là cán bộ phụ trách phụ nữ, thanh niên thôn Ri Mek, Bí thư Đoàn thanh niên  - 1959-1960: Bí thư Chi bộ thôn Ri Mek, Chi bộ xã Brong, Bí thư khu 2, gồm 3 xã: Brong, Đăk Nớ, Đăk Mú  - 1962-1964: Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Kon Tum  - 1965-1966: Tỉnh ủy viên, Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh Kon Tum, Ủy viên Ban chấp hành Phụ nữ khu V  - 1967-1968: Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum, Hội phó Hội Phụ nữ khu V; Ủy viên Ban chấp hành phụ nữ Giải phóng Miền Nam  - 1969-1971: Ra miền Bắc học tập và chữa bệnh  - 1972-1974: Trưởng Ban Dân vận Mặt trận tỉnh Kon Tum; Ủy viên Quân sự bốn bên tỉnh Kon Tum thi hành Hiệp định Paris  - 1975-1976: Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh Gia Lai-Kon Tum  - 12/1976: Tại Đại hội Đảng lần thứ IV, đồng chí được bầu là Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng  - 1977-1978: Đi học Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Hà Nội  - 1981-1987: Phó Chủ tịch Quốc hội khóa VII, Ủy viên Hội đồng dân tộc của Quốc hội |

**V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** UBND huyện Ngọc Hồi giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng lập Đề án và tiến hành kiểm kê, rà soát, đánh giá lập bản đồ hiện trạng việc đặt tên đường; lập danh mục tên đường dự kiến cần đặt tên bổ sung; căn cứ vào quy mô, tính chất, cấp độ của đường, lựa chọn tên tại Ngân hàng tên đường đã được ban hành, đề xuất phương án đặt tên cụ thể tại từng đường; tổ chức các hội nghị xin ý kiến quần chúng nhân dân, các cơ quan hữu quan nơi có đường dự kiến đặt tên, điều chỉnh, bổ sung; xin ý kiến của các tổ chức Đảng, Thường trực HĐND, Mặt trận Tổ quốc, cơ quan chuyên môn về lịch sử, văn hóa,... trên địa bàn huyện; công bố công khai phương án đặt tên trên các phương tiện thông tin đại chúng của cấp huyện, để Nhân dân tham gia góp ý kiến trong thời hạn 10 ngày làm việc; hoàn thiện Đề án theo các ý kiến, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy Ngọc Hồi.

**2.** UBND huyện Ngọc Hồi hoàn thiện Đề án, báo cáo Hội đồng tư vấn đặt tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Kon Tum *(gọi tắt là Hội đồng tư vấn tỉnh)*.

**3.** Trên cơ sở thẩm định của Hội đồng tư vấn tỉnh, UBND huyện Ngọc Hồi tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh. UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định việc đặt tên và điều chỉnh, bổ sung một số tuyến đường trên địa bàn thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum theo quy định.

**4. Thành phần hồ sơ**

Dự thảo Tờ trình; Đề án đặt tên đường; Nghị quyết; Báo cáo tổng hợp ý kiến của các tổ chức Đảng, đoàn thể, cơ quan chuyên môn,... và Nhân dân trên địa bàn huyện.

**5. Thời gian triển khai thực hiện**

Hoàn thiện hồ sơ, trình tự, thủ tục đảm bảo đúng quy định trong tháng 6 năm 2022.

**VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Kết luận**

Đô thị loại IV thị trấn Plei Kần (mở rộng) là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội của huyện, có tiềm năng, lợi thế phát triển trong thời gian tới. Về tăng trưởng kinh tế đạt tốc độ khá, cơ cấu chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng ngành xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế; hàng năm có nhiều chỉ tiêu trong phát triển kinh tế - xã hội đạt và vượt kế hoạch đề ra. Về văn hóa, y tế, giáo dục và thực hiện các chính sách xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định, thường xuyên được cũng cố và tăng cường.

Trong những năm qua được các cấp, các ngành quan tâm, tạo điều kiện như: giao thông được đầu tư nâng cấp thuận lợi cho việc đi lại và giao lưu kinh tế với các huyện trong tỉnh và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, việc đặt tên đường trên địa bàn chưa được thực hiện, dẫn đến khó khăn trong việc kê khai hành chính, giao dịch, tìm kiếm địa chỉ của người dân. Vì vậy, việc đặt tên đường nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin, địa chỉ, phục vụ việc giao dịch, giao lưu, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chỉnh trang diện mạo đô thị; tạo điều kiện cho việc quản lý hành chính, quản lý hạ tầng kỹ thuật đạt hiệu quả. Ngoài ra, việc đặt tên đường còn nhằm mục đích giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, nâng cao nhận thức về tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào của Nhân dân địa phương về những danh nhân, anh hùng, các địa danh, sự kiện lịch sử tiêu biểu.

**2. Kiến nghị**

Đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Nghị quyết đặt tên và điều chỉnh, bổ sung một số tuyến đường trên địa bàn thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum./.

**PHỤ LỤC**

**CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẶT TÊN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGỌC HỒI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đường** | **Điểm đầu** | **Điểm cuối** |
| 1 | Chu Văn An | Nguyễn Sinh Sắc | Đường QH (khu vực cấp đất trường C3) |
| 2 | Đường Phan Bội Châu | Đăk Xú | Đường Lý Thái Tổ |
| 3 | Đường Trần Hưng Đạo | Nút giao Hùng Vương-Trần Phú-Trần Hưng Đạo | Cầu ĐăkHniang |
| 4 | Đường Tô Vĩnh Diện | Đường Hùng Vương | Đường Hai Bà Trưng |
| 5 | Phạm Văn Đồng | Đường HCM | Đường QH hội trường chung |
| 6 | Đường Nguyễn Du | Đường Hùng Vương | Đường Lý Thái Tổ |
| 7 | Đường A Dừa | Đường Trần Phú | Nguyễn Sinh Sắc |
| 8 | Trần Dũng | Đường Trần Phú | Đường Nguyễn Sinh Sắc |
| 9 | Đường A Gió | Đường Lý Thái Tổ | Đường Ngô Quyền |
| 10 | Phan Đình Giót | Hai Bà Trưng | Trần Hưng Đạo |
| 11 | Đường Sư Vạn Hạnh | Đường Lê Lợi | Phan Đình Giót |
| 12 | Đường Đinh Tiên Hoàng | Đường Hùng Vương | Hoàng Văn Thụ |
| 13 | Nguyễn Huệ | QL14C | Ranh giới thị trấn Plei Kần và xã Đăk Xú *(Đường vào bệnh viện đa khoa khu vực)* |
| 14 | Đường Hồ Xuân Hương | Nguyễn Trung Trực | Đường Tô Vĩnh Diện |
| 15 | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | Đường Hai Bà Trưng | Đường Tô Vĩnh Diện |
| 16 | Đường A Khanh | Đường Trần Phú | Nguyễn Sinh Sắc |
| 17 | Nguyễn Khuyến | Khu dân cư TDP3 | Đường Hoàng Văn Thụ |
| 18 | Phạm Ngũ Lão | Đường HCM | Khu dân cư thôn 4 *(Đường vào nhà thờ Đăk Mot)* |
| 19 | Nguyễn Văn Linh | Đường N5 | Cuối đường Nguyễn Sinh Sắc |
| 20 | Đường Hoàng Thị Loan | Đường Hùng Vương | Đăk Xú |
| 21 | Đường Lê Lợi | Đường Hùng Vương | Đường Hai Bà Trưng |
| 22 | A Ninh | Đường Trần Phú | Đường Nguyễn Sinh Sắc |
| 23 | Đường Trần Phú | Nút giao đường N5-HCM | Nút giao Hùng Vương-Trần Phú-Trần Hưng Đạo |
| 24 | Nguyễn Tri Phương | Đường HCM | Đường QH *(Đường vào lò giết mổ)* |
| 25 | Đường Ngô Quyền | Đường Lê Lợi | A Gió |
| 26 | Đường U Rê | Đường QH | Khu dân cư thôn 4 |
| 27 | Đường Nguyễn Sinh Sắc | Đường Trần Phú | Đường Lê Quý Đôn |
| 28 | Đường Lê Văn Tám | Đường Hai Bà Trưng | Hồ Xuân Hương |
| 29 | Đường Phạm Hồng Thái | Đường Hai Bà Trưng | Đường Tô Vĩnh Diện |
| 30 | Đường Hoàng Văn Thụ | Khu dân cư TDP 3 | Nút giao đường Hùng Vương |
| 31 | Đường Lý Thái Tổ | Đường Hùng Vương | Trương Quang Trọng |
| 32 | Đường Trần Quốc Toản | Đinh Tiên Hoàng | Đường Ngô Gia Tự |
| 33 | Lê Hữu Trác | QL14C | Ranh giới thị trấn Plei Kần và xã Đăk Xú *(Đường vào bệnh viện đa khoa khu vực)* |
| 34 | Nguyễn Trãi | Hùng Vương | Trương Quang Trọng |
| 35 | Đường Nguyễn Văn Trỗi | Đường Hùng Vương | Đường Trần Phú |
| 36 | Đường Lý Tự Trọng | Đường A Gió | Phan Đình Giót |
| 37 | Đường Trương Quang Trọng | Đường Nguyễn Trãi | Đường Lý Thái Tổ |
| 38 | Đường Nguyễn Trung Trực | Đường Tô Vĩnh Diện | Đường Hai Bà Trưng |
| 39 | Đường Hai Bà Trưng | Đường Hùng Vương | Trương Quang Trọng |
| 40 | Đường Ngô Gia Tự | Đường Hùng Vương | Đường Ngô Gia Tự |
| 41 | Đường Hùng Vương | Thôn 4 TT Plei Kần | Nút giao Nguyễn Trãi - Hùng Vương |